TUAN BAO RA NGAY THU BAY

THANH-NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG. KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

— Tài năng và bằng cấp	THẾ THUY
— Gia đình và giáo-dục : Sự phát triển trí tuệ của các trẻ tí hon từ 2 đến 7 tuổi	Bà PHAN ANH
— Điều tra nhỏ : Một trại nuôi gà và thỏ ở ngoại châu thành Hanoi	TẢO HOÀI
— Sử liệu : Sử ta so với sử Tàu	Ưng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ
— Tư-tưởng xã-hội học hiện-đại: Khí-hậu và sức khỏe (*Tiếp theo*)	A. A. dịch
— Bi kịch : Lôi vũ (*Nguyên văn của Tào Ngu — tiếp theo*)	ĐẶNG THÁI MAI dịch
— Nguyễn gia Trí (1939 - 1944)	NGUYỄN ĐỖ CUNG
— Vông ngô đồng	NGUYỄN TUÂN
— Việc quốc tế	D. Đ. D.

NĂM THỨ TƯ : SỐ 79 — NGÀY 19 AOUT 1944

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DA HANOI — Giây nói : 19.43 — GIÁ 0$50

BAO THANH-NGHI

THÔNG KIẾN SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬT TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số 26 Août 1944

— Du học sinh.	TẢN PHONG
— Tổ chức xã-hội và kinh-tế ở nước Đức : Chính sách nghiệp-đoàn	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Nguyên-tắc phân-quyền trong Hiến-pháp Trung Hoa . . .	PHAN ANH
— Lôi vũ *(Bi Kịch)*	ĐẶNG THÁI MAI dịch
— Sử liệu : Vua Minh Mạng với máy móc và khoa học . . .	NGUYỄN THIỆU LÂU
— Giáo dục âm-nhạc	VĂN HÓA
— Đọc sách mới	L. H. V.
— Chữ trinh của Kiều	ĐINH GIA TRINH
— Vông ngô đồng.	NGUYỄN TUÂN

Sách mới

B. D. AI MỸ — TRỊNH THIÊN

Tình thơ'

Loại sách « Tuổi vàng »

Những nét tình đậm đà trong những lời thơ mới mẻ

In toàn giấy tốt — Bìa cứng hai màu

Chỉ trữ bán tại nhà xuất bản

Giá mỗi cuốn . . . . . 2$50

Bản quý có chữ ký tác giả. 5$00

* * *

Quí-vị đặt mua xin viết thư cho :

Ô. BỬU ĐÀO

N° 8, Rue Courbet Quinhon

QUỐC HỌC THƯ XÃ

ĐÃ PHÁT HÀNH

LUẬN LÝ

DU THUYẾT

= YẾU THUẬT =

Giá : 3$80

SẮP CÓ BÁN

Nghệ thuật và Danh giáo

Giá 2$50

CÒN MỘT ÍT

Khổng Tử học thuyết	**4$50**
Việt Hoa thông sử	**5,00**
Lịch sử báo chí	**2,00**
Lược luận về phụ nữ	**2,50**

TÀI NĂNG VÀ BẰNG CẤP

THÊ THUY

Đã nói nhiều, mà vẫn có những người không chịu hiểu ! Nhà thơ trẻ tuổi nọ, say sưa vì mấy lời khen ngợi của bạn bè hoặc của một vài người đồng thời, bĩu môi khinh những cái bằng cấp to lớn của « một vài ông học trò giỏi », mà tuyên bố rằng thiên tài không cần gì đến học vấn cả, và các ông có đỗ đạt kia không chắc đã cầm nổi cây bút tạo nên một lời tài tình. Trái lại có hạng người chất phác khác, coi những ông nghè, ông thạc, ông cử, như những thần thánh, đã viết, đã nói gì thuộc về môn học của họ tất cũng là phải, là hay. Vẫn biết có nhiều nhà văn, nhà tư tưởng, đều có học vấn cao chứng tỏ bởi những tấm bằng đã giật được ; nhưng văn sĩ, nghệ sĩ, tư tưởng gia không bắt buộc phải là người có bằng cấp cao, và những người có bằng cấp cao không phải ai ai cũng có thể trở nên vĩ nhân. Ở các nước bên Âu, những ông thạc sĩ tiến sĩ chỉ được coi là những người có học lực, khả dĩ dạy người về những môn chuyên khảo của họ. Không ai nghĩ rằng ông thạc sĩ triết học nào cũng là triết gia, ông thạc sĩ văn phạm nào cũng là văn sĩ. Cái học ở nhà trường cho ta những kiến thức phổ thông hoặc chuyên môn. Đem dùng những kiến thức ấy để sáng tác và để tỏ cái bản ngã đặc biệt của ta lại là một việc khác. Tốt nghiệp ở một trường võ bị ra không hẳn phải là một ông tướng giỏi ; đỗ ở một nhạc viện ra không hẳn sẽ là một đại nhạc sĩ.

Vẫn biết tài mà không có học vấn nâng đỡ thì không phát triển tới tột bậc được, nhưng thức giả không bao giờ nên quên rằng cái học khoa cử và cái tài năng siêu việt không cần phải đi đôi với nhau. Bởi vậy văn của một ông tiến sĩ hoặc thạc sĩ văn chương không bắt buộc phải « tuyệt diệu » như ai đã tưởng, và những vần thơ phóng đãng có tài có khi lại ý vị và mỹ-thuật hơn những câu thơ đúng mẹo của một ông thầy thơ Malherbe. Ông nghè, ông cống nhiều khi viết văn hay thực, nhưng hay như vậy không phải hoàn toàn bởi ông ta là ông nghè, ông cống. Có tài năng thì sự giật bằng cấp chẳng khó khăn gì. Nhưng không có tài năng cũng có thể giật được bằng cấp.

Ra bộ khinh thị học-vấn, phỉ báng những người đỗ đạt, có bằng cao, cho rằng tài năng như một thứ cỏ dại, không cần một sự vun sới nào để nảy nở đó là một lầm lẫn lớn. Nhưng tin ở hiệu lực sản tài năng của bằng cấp bằng một lối ngây thơ quá đỗi cũng không nên, vì tin tưởng đó tỏ cáo một óc suy xét thiển cận và ấu trĩ.

THÊ - THUY

Sự phát triển trí tuệ của các trẻ tí hon từ 2 đến 7 tuổi

Bà PHAN ANH

Trí-tuệ tuổi thơ ngày tiến-hóa rất mau chóng, mà lạ là ta không biết rõ ràng sự tiến-hóa đó. « Dạy con từ thuở còn thơ » tuy là câu phương-ngôn thông thường, nhưng chúng ta mấy người đã biết trình-độ tiến-hóa một em nhỏ mà dạy dỗ, không những là dạy về đường lễ giáo theo quan niệm Đông-Phương ta nhưng còn dạy trẻ biết lợi dụng các giác-quan cho tinh tường. Muốn biết trình-độ đó phải làm thế nào ? Lấy gì làm chuẩn đích ? Dùng cách gì mà điều-tra các em nhỏ ?

Đó là mục-đích của bài này lược dịch theo quyển sách « *Le développement de l'enfant* » của bà Alice Descœudres. Bà đã dùng cách điều tra và thực-nghiệm để xét trình-độ tiến-hóa của trẻ em. Nhân thực-nghiệm của bà ta có thể thí nghiệm với con em nhà ta ; kể cũng là một sự vừa có ích vừa thú vị.

I. — Một sự e ngại — Có thể hoàn-toàn tin vào các cuộc điều-tra em nhỏ được không ? Vì các em còn nhỏ quá, nên lắm người ngại rằng điều-tra không có giá-trị : các em vì rút rát, vì cảm-súc, vì các vật quanh mình, dễ thay đổi, mỗi khi một khác. Vả lại đem trẻ ra mà điều-tra thí-nghiệm có hại không ? Có đang tâm không ? Các em có vì thế mà mệt không ?

Chúng tôi xin giả lời là các ngài cứ xem những kết-quả sau này sẽ không ngại nữa, không phải vì những trở lực nhỏ mà ta không nhận được sự tiến-hóa rất mau của trí-tuệ trẻ em.

Vả lại các ngài nếu mục-kích sự điều-tra tất sẽ ngạc-nhiên thấy các em vui vẻ sốt sắng là ngần nào ! Lượt hỏi hết rồi lại đòi hỏi nữa kia ! Cố nhiên là người hỏi phải khéo léo, phải kiên tâm. Thỉnh thoảng cho các em nghỉ. Cũng có lắm em rút rát quá thì lại lấy kẹo bánh ra khuyến khích.

II. — Phương-pháp. — Chúng tôi để ý đến sự tiến-bộ của *tiếng nói* (langage). Chúng tôi đặt ra những câu hỏi để thử trí-tuệ của trẻ em.

1. — *Cách trọn câu hỏi.* — Câu hỏi nào được coi là câu thử hợp tuổi.

Theo như ông Binet, Stern, Robertag là các nhà chú trọng về tâm-lý nhi-đồng, thì câu hỏi nào được 75% trẻ cùng tuổi giả nhời được, tức là hợp với tuổi trẻ đó, nghĩa là có thể dùng mà đo mực trí-tuệ chúng. Như ý chúng tôi thì câu hỏi nào được con số phần trăm (pourcentage %) *tăng lên nhiều từ tuổi nọ sang tuổi theo sau* thì câu đó hợp với tuổi theo sau.

Thí dụ : một câu hỏi được

số trẻ 4 tuổi giả nhời đúng, tới 45%.
— 5 — 67%.
— 5 tuổi rưỡi — 72%.

thì câu hỏi đó hợp với trẻ 5 tuổi.

Lại thí dụ hai bài hỏi A và B.

Bài A số trẻ 5 tuổi giả nhời được 52%.
6 — 75%.
7 — 89%.

Bài B số trẻ 5 tuổi giả nhời được 63%.
6 — 75%.
7 — 80%.

So như thế thì bài A hợp với 6 tuổi hơn bài B.

Phần nhiều chúng tôi tính tuổi từ nửa năm nọ sang nửa năm kia là vì trong thời kỳ từ 2 đến 7 tuổi trí-tuệ trẻ con tiến mau chóng lạ lùng.

2. — *Tuổi trí-tuệ.* — (Age intellectuel) Sau mỗi một bài thử, em nhỏ liệt vào một hàng tuổi. Người ta thử các lối, cộng lại lấy tuổi trung-bình gọi là tuổi trí-tuệ.

Các lối thử sau đây xét ra bổ ích cho các nhà nhi-đồng giáo-dục là vì nhờ đó biết tới tuổi nào trẻ nhận được, hiểu được, nhớ được vật gì để mà đặt chương-trình học về ngôn-ngữ (langage) và các phép tính (calcul).

Còn gì hại và vô-ích hơn là ép các em học những món các em không đủ trí khôn để ham để hiểu để suy nghĩ tới.

3. — *Lúc thử các em nên thế nào.* — Nên hỏi riêng từng em trong một phòng hay một khu nào yên tĩnh.

Biên hết các nhời em nói là vì có câu giả nhời, ngay lúc hỏi ta cho là không hay, mà sáu tháng sau ta lại cho là hay ? Vả lại có biên chép như thế ta mới xét xem ta có nhầm với các em chỗ nào chăng ?

Nên có một tờ giấy biên sẵn các câu hỏi :

— Nếu trẻ giả nhời được thì khuyên +

— Nếu trẻ không giả nhời thì sổ —

— Nếu trẻ giả nhời sai thì biên nguyên câu giả nhời.

— Chớ chỉ trích, chớ mắng, chớ nhắc em, cứ để tự-nhiên.

— Ghi tuổi, trai hay gái, ngày tháng lúc thử, số người chứng kiến, em học lớp nào, cử chỉ em trong lúc thử thế nào : rụt rát hay tự-nhiên, e dè hay sỗ sàng, chú ý, thích, hay miễn cưỡng.

Mỗi câu hỏi đã khuyên hay sổ, ta cộng các câu khuyên lại, thì sẽ so sánh được em với các em đồng tuổi.

4. — *Bảng kê lối thử.*

A. — *Sức hiểu nhời nói.* — (compréhention du langage)

I, Sai em mười lệnh

II, Trỏ 10 đồ vật.

III, Trỏ tranh vẽ.

B. — *Xét tiếng nói đúng hay không* (Phonétique).

IV, bảng chữ của Rouma (xem sau đây)

C. — *Trí nhớ.*

a) ngay lúc mới học.

V, nhắc lại chữ số.

VI, nhắc lại vần (syllabes).

b) nhớ bài học từ trước.

VII, nhớ sách học.

VIII, đếm đến số 30.

IX, ngày trong tuần lễ, tháng trong một năm

X, đọc một bài, hát 1 bài thơ.

XI, nói tự nhiên : kể truyện, kể tranh vẽ.

D. — *Sức biết nhiều chữ, nhiều tên.* (Vocabulaire).

XI, nhìn tranh mà nói chuyện.

XII, gọi tên các tranh vẽ, trong trang sách.

XIII, đếm được bao chữ hiểu trong một bảng 25 chữ.

XIV, *a)* Động-từ : cử động 12 lối trước mặt em, bắt em gọi tên lối cử động đó.

b) Danh từ.

XV, tìm 60 chữ trong 3 phút.

E — *Trình-độ trí-thức.* — (Connaissance).

XVI, giả nhời 8 câu hỏi.

XVII, tìm 6 nghề

XVIII, tìm 6 chất (6 matières).

XIX, giả nhời 2 câu hỏi thời sự.

XX, gọi tên 10 mầu.

XXI, tìm 12 tính-dung-từ để chỉ tính chất các đồ vật.

F. — Suy nghĩ. — Thông - minh (Jugement Intelligence).

XXII, nhớ sách.

XXIII, đặt câu hỏi để em suy nghĩ

XXIV, tìm mười chỗ khuyết trong bài đọc.

XXV, tìm 8 chữ tương phản.

XXVI, tìm trong ký ức so sánh 4 thứ.

Cố nhiên là em nào bé thì chỉ hỏi những câu dễ (thí dụ như em 2, 3 tuổi thì không so sánh được).

III. — KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM — CÁC EM GIẢ NHỜI.

Dưới đây là kết quả thí nghiệm theo bảng trên :

A. — Sức hiểu nhời nói :

(I) *Sai 10 lệnh.*

1. — Đứng lên
2. — Ngồi xuống
3. — Lại đàng kia — lại đây !
4. — Dừng lại
5. — Mở ra — đóng cửa sổ lại
6. — Giơ tay lên
7. — Giơ ngang tay ra.

8. — Tiến lên
9. — Dậm chân.
10 — Ba mồm ra — nhắm mắt lại.

Câu nào phải hỏi hai lần, mà được một lần nói đúng tinh là một nửa.

2 tuổi làm được câu.
3 tuổi làm được 8 câu.
4 — — — 9 câu rưỡi.
5 — — — 10 câu (hạng trẻ nhà phong lưu).
5 — — — 9 câu rưỡi (hạng trẻ nhà lao động)
6, 7 tuổi : làm được cả.

Mấy câu giơ tay và dừng lại là khó hơn cả.

II. — Trỏ đồ vật không có gì đặc sắc.

III — Trỏ tranh vẽ : một bảng hình vẽ 60 đồ dùng trong nhà.

Trẻ nhà phong-lưu với trẻ nhà lao-động khác nhau lúc 2, 3 tuổi ; xem bảng kết quả :

TUỔI	TRẺ PHONG LƯU	TRẺ LAO ĐỘNG
	nói	*được*
2	42	20
3	47	46
4	47	47
5	56	46
6	56 1/2	55
7	58	56

B. — Xét tiếng nói đúng hay không. Analyse du langage imité.

IV.—ĐÂY LA BẢNG CHỮ NGUYÊN-VĂN PHÁP

1 p papa poupée
2 t tapis pâté
3 c coq, couteau, coucou
4 b balle, brosse, bébé
5 d dos, dormir
6 g gomme goutte
7 f femme farine,
8 s soupe, saucisson
9 ch chat ; mouchoir, chercher
10 sch sachet
11 v vis voiture
12 s oiseau, musique
13 j jatte, Jeanne
14 l lune, Louis
15 r roue courir
16 m maman mouton
17 n noix ane
18 pl pleurer, plume, pleuvoir
19 pr promenade, prune
20 fl fleur flûte
21 fr fromage, fruit
22 bl tableau, tablier
23 br brique, arbre
24 vi vin
25 vr ouvrir c'est vrai
26 tr train trou
27 cl c oche clé
28 dr drapeau, droite
29 gl règle, glace
30 cr cravate en cuir
31 gr nègre
32 m maman méchant
33 on non, charbon, hanneton
34 un lundi, chacun
35 in épingle, singe, lapin
36 gn chignon, grogne
37 ill papillon, tailleur
38 oi moi, soin, voiture
39 oin point, besoin
40 ia piano

Thử lối này thì kể âm tiếng nói (sons) chứ không kể chữ.

Kết quả. — *Xem ra thì trẻ 3 tuổi nếu chịu khó thì nói được đủ các âm tiếng, (Nếu trẻ em ta thì dùng tiếng ta thí dụ : t tam, tứ, c, cao, cam v. v.)*

V VI VII không có gì đặc sắc,

C. — Trí nhớ. — *a) tức thì.*

VIII, đếm đến 30. Thí dụ, bảo em nhỏ Em đã biết đếm. Thử đếm xem nào !

Nếu trẻ đếm 1 — 2 — 3 — 4 — 9 — 7 — 12 thì nên ghi cả 7 chữ, nhưng sức đếm thì được có 4.

Kết quả 2 tuổi 3 tuổi 4 tuổi 5 tuổi 6 tuổi 7 tuổi.

Trẻ phong lưu 3 9 18 21 30 30
— lao động 3 4 12 14 28 30

Trẻ phong lưu biết đếm hơn, là vì cha mẹ có thì giờ nhắc con đếm luôn.

IX Kể *các ngày trong tuần lễ* :

Kết quả. — trẻ 2, 3 tuổi không biết ngày nào 4 tuổi biết hai ngày
5 — — 3 hay 4 ngày
6 — — 6 1/2
7 — — biết hết cả.

Môn này thì trẻ phong lưu và trẻ lao động không hơn kém nhau.

Kể tháng trong một năm.

Từ 6 tuổi giở đi trẻ mới kể được.

X — Hát đọc thư không có gì đặc sắc.

XI, *Nói tự nhiên — kể chuyện :* 1) Tầu điện
2) Mẹ ở nhà
3) Cái hồ
4) Cái bếp

Lắm trẻ rút rát quá phải dục : Nào em đã trông thấy tàu điện, trong tàu điện em trông thấy gì, em kể đi ! mẹ em ở nhà làm gì ?

Giả i hời.— : P : 4 tuổi.

Nếu người ta để một hòn đá vào đường tàu thì tầu điện trật bánh — Nếu không có hòn đá, tầu điện không trật bánh. Nếu không có bánh xe, tầu không chạy được, có bánh xe, tầu mới chạy được.

(Xem tiếp trang 24)

ĐIỀU TRA NHỎ

MỘT TRẠI NUÔI GÀ VÀ THỎ

Ở NGOẠI CHÂU THÀNH HÀ-NỘI (1)

TẢO HOÀI

Đây không phải là một trại to lớn như ở Âu-Mỹ, rộng hàng bao nhiêu mẫu và nuôi hàng bao nhiêu ngàn súc vật, mà ta thấy tả trong sách hay chiếu trên màn ảnh. Chỉ là một trại nhỏ, rộng chừng vài ba sào, không kể mấy sào ao, với mươi chuồng nuôi chừng bốn năm chục gà và hai ba chục thỏ, thêm vào đó không đầy một trăm gà mới nở và vài chục thỏ non.

Nhưng, với cái sáng-kiến và chí kinh doanh của người thanh-niên chủ trại, với cái tương lai và những khả năng của nghề chăn nuôi này, khu trại nhỏ kia có thể mang lại cho ta nhiều điều nhận xét có ích cho nông nghiệp kinh-tế của xứ này.

*

Sáng ý của chủ nhân, một người thanh niên đã theo học bán thành chung bỏ ra mưu việc kinh doanh, trước hết là ở chỗ biết chọn những giống gà Âu-Mỹ (2) nuôi có lợi hơn gà ta. Những giống gà như Wyandotte, Orpington, Plymouth-Rock, Leghorn, có tiếng trên hoàn cầu, phần nhiều là do sự lựa chọn và ghép những giống tốt hơn cả mà có. Người ta hoặc gây những giống chuyên để nhiều để lấy trứng; hoặc những giống để ăn, to lớn và thịt ngon. Giống Leghorn chẳng hạn, nguyên-thủy ở nước Ý, về sau do Hoa-kỳ ghép với nhiều giống khác mà gây nên, thực là những « máy đẻ trứng », chỉ biết đẻ mà không ấp được, như vậy lợi ở chỗ không mất thì giờ để ấp và nuôi con. Ở Âu-Mỹ người ta dùng máy để ấp, ở bên mình máy ấp không có đành phải dùng gà mái ta ấp thay.

Theo lời chủ nhân thì giống gà ta, có tiếng nhất là gà Đông-Cảo ở Hưng-yên. Nhưng giống gà này chân to, thịt lỏ không ngon, đẻ độ 8 hay 10 trứng đã đòi ấp, thêm điều ăn lại tốn nữa. Ông đã tính 10 con gà Mỹ ăn tốn chỉ bằng ba con gà ta, thế mà ba con gà Mỹ lại sản xuất bằng 10 con gà ta về trứng cũng như về thịt. Như gà Leghorn đẻ hàng năm có thể được 300 trứng mà gà ta chỉ được độ từ 70 đến 100 quả, thế mà mỗi quả trứng gà ta nặng độ 30 hay 35 gam thì một quả trứng kia có thể cân được 60 tới 70 gam. Tôi đã được trông thấy những quả trứng này, hình thon thon dài, vỏ màu trắng hay hồng đẹp mắt, to như trứng vịt vậy. Những giống gà để ăn thịt như giống Plymouth-Rock, hay Orpington, thân to gấp hai gấp ba gà ta thường nuôi, thế mà xương nhỏ, thịt mềm và rất ngon.

Về thỏ thì chủ nhân đã chọn giống Lapin Géant de Flandre *là giống có tiếng nhất, người ta vẫn gọi là* « vua loài thỏ ». *Một con thỏ thường trung bình cân được 5 cân tây, thế mà giống flamand này nặng tới 7 hay 8 cân tây, dài tới 80 phân tây. Tuy nhiên mang sang xứ ta, giống đó không quen khí hậu (1) nên phải đem ghép với giống khác và giống thỏ lai đó chỉ nặng được chừng 5 cân tây. Nhưng dầu sao nuôi thỏ, vẫn lợi hơn nuôi gà vì thỏ ăn không tốn, phần nhiều là ăn cỏ hay các thứ lá cây, chỉ cách hai ba ngày mới lại một lần cho ăn thóc, gạo hay ngô còn gà thì thường phải mỗi ngày hai bữa bèo chộn cám và một bữa ngô hay thóc. Thêm nữa giống gà dễ chết hơn giống thỏ, cho nên sự săn sóc phải siêng năng hơn.*

---

(1) Trại này ở làng Hoàng-Mai thuộc ngoại-ô thành phố Hà-Nội. Tiện đây tôi xin cảm ơn ông chủ trại đã cho tôi biết nhiều điều hữu-ích.

(2) Những giống gà này đã mua của sở Thú-Y và cũng sở này chỉ dẫn cách nuôi lúc đầu.

(1) Theo lời chủ-nhân lúc đầu ông có một con thỏ giống Géant de Flandre nặng tới 7 cân tây mà về sau không chịu được nắng, học máu ra chết

Sự chăm nom có phương pháp của chủ nhân cũng là một điều đáng chú ý. Những chuồng gà và chuồng thỏ là hai ngôi nhà dài, thấp, mái lá, tường gạch quét vôi trắng thực là gọn-gàng sạch-sẽ. Mỗi chuồng gà rốt từ 5 đến 10 con, là một buồng ngang dọc chừng thước rưỡi hai thước, liền ngay một «vườn kín» (parc clos) hai thước bốn thước, như vậy gà chuồng này không lẫn với gà chuồng khác được và sự chết chóc nhờ đó không lan rộng để gây nên những sự tai hại thường sảy ra ở thôn quê: có khi cả một làng bao nhiêu gà đều chết trong ít ngày. Ngoài ra từ cách cho ăn cho uống đều là cẩn thận sạch sẽ, nước cho gà uống chẳng hạn phải thật là sạch, cỏ cho thỏ ăn để ngoài chuồng cho khỏi lẫn với phân và nước tiểu; và biết bao nhiêu những điều vụn vặt, mà chính là quan hệ, phải chính chủ nhân chuyên cần mó tay vào công việc mới do kinh nghiệm tìm ra, nhờ vậy chống lại được bao nhiêu tai hại thường sảy ra lúc ban đầu, và đã làm nản chí nhiều người cũng mưu việc chăn nuôi. Người ta cũng cần phải chú ý rằng những phương pháp chỉ dẫn trong sách không phải toàn thể áp dụng được ở khắp nơi nên người chăn nuôi cần phải suy nghĩ và nhận xét để làm cho giống vật ngoại quốc thuận-ứng được với khí hậu và thổ ngơi xứ này.

— « Vì lúc đầu không có kinh nghiệm, — lời chủ nhân, — cho nên cứ 100 gà con mới nở thường chết mất 7 hay 8 chục con, đến nay đỡ đi nhiều nhưng cũng còn chết tới 30 con ».

Xem vậy ta đủ hiểu lời chủ nhân nói, bị bận rộn suốt ngày và không đủ sức nuôi hơn được nữa, thực là có lý

— Chắc ông cũng để ý đến tương-lai của nghề chăn nuôi này ? thị trường để tiêu-thụ chẳng hạn ? — tôi hỏi.

— « Có lẽm chứ ! Chăn nuôi không phải để làm cảnh mà để kiếm ăn và mưu làm giàu như chúng tôi tất nhiên phải nghĩ đến chỗ đó trước hết.

« Ông cứ tính chúng tôi mới bắt đầu làm được ba năm nay, lúc đầu định quảng-cáo trên báo hàng tháng, thế mà rút cuộc đăng báo đâu có ba-lần chúng tôi phải thôi là vì không đủ hàng bán. Trước kia chúng tôi có cửa hàng nhận khách và đưa hàng ở trên phố, đến nay tôi cũng bỏ cửa hàng, chỉ những khách biết xuống tận đây mua và đặt trước mà cũng chưa đủ để làm hài lòng họ.

« Hiện nay mỗi tháng tôi chỉ bán được từ 250 tới 300 trứng mỗi chiếc 0$60, nghĩa là 100 gà con giá 5$00 một, những gà này nuôi nhớn độ 5, 6 tháng có thể bán được từ 30 tới 50$ một con. Chúng tôi chỉ nuôi gà giống để bán trứng và gà con chứ không bán gà lớn. Còn thỏ thì mỗi tháng cũng chỉ bán được ngót mười con mỗi con tới 35$00. Thế mà tiền nuôi tôi cứ tính cả gà lẫn thỏ mất độ 100 tới 200$ có thể bán thành 1000$. Nuôi lợn chỉ lãi từ 50 đến 70 l., chứ như nuôi gà và thỏ có thể được từ 100 đến 200 l.

« Chưa cần nghĩ đến sự bán ra ngoài, nhất là trong buổi chiến tranh này; chỉ nói đến một dân thành phố Hà-Nội này cũng đã tiêu-thụ bao nhiêu là gà và trứng một ngày rồi. Nếu có người chỉ chuyên nuôi gà để để bán trứng tươi, "œuf du jour" : tôi tính ra lãi vô cùng mà cũng không sợ cạnh tranh ở đâu hết. Còn như thỏ thì hiện nay chỉ nói đến viện Pasteur và nhà thương Robin mỗi tháng đòi mua 1000 con thỏ để thí-nghiệm, thế mà chưa một ai giám đứng lên nhận bán cho đủ số. »

— « Ông có biết ở Bắc-Kỳ này có được bao nhiêu trại nuôi gà và thỏ để bán như ông không ?

— « Tôi cũng chưa đi nhiều mà giám giả nhời ! Nhưng có một điều là sau ba lần đăng báo tôi thấy có những người tự biên giới tàu xuống và tự Sài-gòn ra để hỏi mua giống gà của tôi. Riêng ở chung quanh Hà Nội thì trừ một vài nhà nuôi gà Mỹ để chơi, hay ít nhà tây nuôi để ăn trong nhà thì tôi giám chắc không có ai. Thỏ có nhẽ nhiều người nuôi vì dễ hơn.

— « Tại sao người mình chưa nghĩ đến sự chăn nuôi này, theo lời ông, có lợi lắm kia mà ? Hay là tại khó khăn ? . . . .

— « Khó thì không khó nhưng cần phải tự tay mình chăm nom không quản sự bận-rộn ngày ngà hay chút ít bẩn tay thì mới có lợi. Lợi thì lợi lắm đấy, chẳng kém gì buôn bán chợ đen mà lại đường chính . . . Nhưng ông tính ai lại chịu mang tiếng làm anh « lái gà » bao giờ ! . . .

Người thanh-niên chủ trại mỉm cười vò nói tiếp :

— « Ở bên Tây thường những người chăn nuôi đều tốt nghiệp ở một trường Thú-Y ra, như vậy họ đã học và biết nhiều, đỡ được bao nhiêu tai nạn và mò mẫm trong sự chăn nuôi như tôi đã qua. »

*

Tôi ra về và nghĩ đến sự khuếch trương nghề chăn nuôi này vừa làm giàu được cho người kinh doanh vừa đem lại cho thức ăn của dân chúng nhiều chất đạm cần-thiết cho sức khoẻ của họ.

Bàn về phương-pháp làm giàu thức ăn của dân quê an-nam, ông Botreau-Roussel tổng thanh-tra Y-tế có nói :

(Xem tiếp trang 20)

SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TỐ

I. — TÊN HIỆU NƯỚC TA (*Bài nối*)

13, *Đại-cồ-Việt* .— 14, *Đại-Việt* .— 15, *Đại-Ngu* .— 16, *Việt-Nam* .— 17, *Đại-Nam.*

Năm 938, Ngô-Quyền giết được Kiều-công-Tiễn đánh phá được quân Nam-Hán, giết được con chúa Nam-Hán ở sông Bạch-đằng. Sử chữ nho thường gọi sông ấy là «hải-môn». Bộ *Khâm-định Việt-sử*, (tiền biên, quyển 5, tờ 5 a) chua : «Trấn Hải-môn ở phía tây huyện Bác-bạch, châu Uất-lâm (bên Tàu) cách mười lăm dặm, ngày xưa là đường của Tàu sang nước ta : Cao-Biền đóng quân ở đấy, để tiến sang. Có người cho Hải-môn trấn ở Hải-dương : thế là nhầm với hải-môn của Ngô-Quyền giồng cọc để đánh Hoằng-Tháo »

Năm 939, Ngô Quyền tự lập xưng vương, đóng Kinh-đô ở Cổ-loa, lập Dương thị làm Hậu, xếp đặt trăm quan chế ra triều-nghi, định lại Phục-sắc, có thể thấy cái quy-mô của đế-vương, thế mà chưa kịp đổi tên nước, đặt niên-hiệu, thì đã mất, năm 944. Em vợ là Dương-tam-Kha cướp ngôi, con cả Ngô Quyền là Xương-Ngập chạy trốn, con thứ là Xương-Văn lấy lại được, trải qua một thời kỳ 20 năm từ năm 945 đến năm 965, lại qua 2 năm về hồi 12 Sứ-quân, mỗi người giữ một khu vực. Ngót 30 năm ấy, từ 938 đến 967, nước ta chưa đặt tên nước, mà bên Tàu thì nam bắc tranh nhau, không họ nào được chính-thống, nên không đủ quyền sang chiếm-cứ nước ta ; duy có họ Lưu ở Nam-Hán vì gần nước ta và quyền thế họ Lưu bấy giờ mạnh hơn họ Ngô bên ta, cho nên khi Xương-Văn thân-chính có sai sứ sang Nam-Hán. Chúa Hán bấy giờ là Lưu-Thành cũng lạm-quyền cho Xương-Văn làm Tĩnh-hải-quân tiết độ sứ, Kiêm đô-hộ : việc ấy vào năm 954.

Bắt đầu từ năm 968, ngang với bên Tàu là năm thứ nhất hiệu Khai-bảo đời Tống Thái-tổ, Đinh-bộ-Lĩnh tức là Đinh-tiên hoàng dẹp yên 12 Sứ-quân, lên ngôi hoàng-đế, gọi tên nước là Đại-cồ-Việt, phong con là Đinh-Liễn làm Nam-Việt-Vương, sai đi Sứ sang nhà Tống. Vua Tống phong cho Đinh-tiên-hoàng làm Giao-chỉ Quận-vương, lại phong cho Đinh-Liễn chức Kiêm-hiệu Thái-sư Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ, An-nam đô-hộ.

Khâm-định Việt-sử (chính biên, q-1, tờ 5 a) và *Đại-Việt Sử-Ký toàn thư*, bản-kỷ (q-1, tờ 4 a) đều chép năm thứ 5 hiệu Khai-bảo (972) Đinh-tiên-hoàng sai Đinh-Liễn sang Sứ, năm 973 Đinh-Liễn về, nhà Tống sai Sứ sang phong

So với *An-nam chí-nguyên* (q-3 tr. 183) lại thấy chép rằng : « . . . Khi Hậu-Ngô là Xương-văn mất (năm 954) bọn dưới làm loạn, Đinh-bộ-Lĩnh và con là Đinh-Liễn dẹp yên, tự lĩnh việc Châu-Giao, hiệu Vạn-thắng-Vương (968) riêng thụ cho Đinh-Liên làm tiết-độ-sứ Được 10 năm, Bộ-Lĩnh mất, Đinh-Liễn nối ngôi, được 7 năm, ngang với năm thứ 4 hiệu Khai Bảo nhà Tống (971) nhà Tống sai tướng là Phan-Mỹ sang dẹp Lĩnh-nam Đinh-Liễn sợ, dâng biểu, sai Sứ sang cống, xin nội-phụ, Tống Thái-tổ cho Đinh-Liễn làm tiết-độ-sứ An-nam đô-hộ,». Thế là sử tầu chép khác hẳn sử ta.

Còn như *Tống-sử* (q-3, tờ 2 a) thì nói năm thứ 6 hiệu Khai-bảo (973) Đinh-Liễn ở Giao-châu sai Sứ sang cống đồ phương-vật.

Đến năm Khai-bảo thứ 8 (975) *Khâm-định* (q-1, tờ 6 a) chép rằng : Mùa thu Sứ nhà Tống lại sang Lúc bấy giờ Đinh-tiên-hoàng sai Trịnh-Tú đem phương-vật cho nhà Tống, vua Tống lại sai Hồng-lô-tự-Khanh Cao-bảo-Tự và Vương-ngạn Phủ đem chế sách phong cho Nam-việt-Vương Liễn được mở phủ-nghi đồng tam ty, chức Kiêm-hiệu thái-sư Giao-chỉ quận-vương, từ bấy giờ đổ đi sai Sứ sang Tống lấy tên Đinh-Liễn làm chủ

Đại-Việt sử-ký toàn thư bản-kỷ (q-1, tờ 4 b) chép : «Đinh-tiên-hoàng sai Trịnh-Tú đem vàng, lụa, tê-giác, ngà voi sang nhà Tống . . .»

So với *An nam chí-nguyên* (q 8 tr. 183) thấy chép : năm Khai-bảo thứ 8 (975) tháng 5, Đinh-Liễn đem vàng, lụa, tê-giac, ngà voi và lương-dược sang cống ; tháng tám năm ấy, vua Tống sách phong cho Liễn làm Giao-chỉ quận-vương.

Tống-sử (q-3, tờ 4 a) chép «Năm Khai-bảo thứ 8 (975) tháng 5, ngày Nhâm-ngọ, An-nam đô-hộ là Đinh-Liễn sai sứ sang cống».

Cứ như thế, thì Sử tàu và Sử ta chép năm tháng có chỗ khác nhau, nhưng công việc thì cũng giống nhau. Đại-khái lúc bấy giờ ở trong nước thì Tiên-hoàng xưng Hoàng-đế, tên nước là Đại-cồ-Việt, mà bên Tàu thì gọi là Giao-chỉ-quận-vương, cũng gọi là An-nam đô-hộ, lại gọi là Tĩnh-hải-quận tiết-độ-sứ.

Đến đời Lê-Hoàn (980 - 1005) cướp nước của nhà Đinh và truyền cho Long-Đĩnh tức Ngọa triều được 4 năm (1005 - 1009). Trong nước, vẫn theo hiệu nước của nhà Đinh mà gọi là Đại-Cồ-Việt. Còn bên Tầu thì Tống Thái-Tông trước còn phong cho Lê-đại-Hành làm Kiểm-hiệu thái uy, An-Nam đô-hộ, Tĩnh-hải-quân-tiết-độ-sứ, Kinh-triệu-quân Khai quốc-hầu (vào năm 986), năm 988 phong làm Khai-quốc-công đến năm 993 mới phong làm Tĩnh-hải quân tiết-độ-sứ Giao-Chỉ quận-vương, năm 997 lại gia phong Nam-bình-vương. Như thế, bên Tàu bây giờ vẫn chưa chịu công-nhận ta có tên nước, mà chỉ gọi là An-Nam đô-hộ, Tĩnh-hải tiết-độ, và Giao chỉ quận-vương ; nhưng vua Tống sở dĩ chịu phong cho Lê-Hoàn Nam-bình-Vương, cũng đã biệt đãi hơn các chức đời trước.

Đến đời con Lê Hoàn tức Long Đĩnh, thì vua Tống lại phong Giao-chỉ quận-vương, lĩnh Tĩnh-hải tiết-độ-sứ, nhưng có hơn trước là đúc ấn « Giao chỉ quận-vương» đem cho, lại truy phong Lê-Hoàn làm Nam-việt vương, sám đủ lễ tế điều.

Sang đến đời Lý, thì từ Lý Thái-tổ (1009 - 1028) Thái-tông (1028 1054) vẫn theo tên nước của nhà Đinh mà gọi là Đại-cồ-Việt, đến năm 1054, Lý thánh-tông lên ngôi đổi tên nước là Đại-Việt.

Chữ Đại-Việt nguyên của Lưu-Nham ở Quảng-châu. Bộ *Tư trị thông giám* (q 270, tờ 1 b) chép năm 917, Lưu-Nham lên ngôi Hoàng-đế ở Phiên-ngung, gọi nước là Đại-Việt.

Đời Lý đối với Tầu, thì từ Thái-tổ, Thái-tông, Thánh-tông, Nhân-tông, Thần-tông, đời nào cũng thế, hễ lên làm vua thì sai Sứ sang Tầu xin phong, mà vua Tầu lúc bấy giờ thuộc về nhà Tống mỗi đời vua ta sang Sứ, bên Tầu lại phong làm hai lần : lần đầu phong làm Giao-chỉ quận-vương, lần thứ hai mới gia-phong làm Nam-bình-Vương.

Mãi đến năm 1164, bên Tầu mới chịu phong cho Lý Anh-tông làm An-Nam quốc-vương, nước ta đối với Tầu mà xưng là nước bắt đầu từ đấy. *Khâm-định*, (q-5, tờ 12 a và 13 b) chép rằng : « Nhà Tống sách phong vua Lý-Anh-tông làm An-nam quốc vương, đổi Giao-chỉ làm An-nam quốc.» Lại dẫn *Nguyên-sử loại-biên* chép rằng : « Nước An-Nam ngày xưa gọi là Giao-chỉ, đến đời Đường vua Cao-tông đặt làm An-Nam đô hộ phủ (năm 679), cái tên hai chữ « An Nam » bắt đầu từ đấy, đến đời Tống vua Hiếu tông phong Thiên-Tộ (tên vua Lý Anh-tông) làm An-nam quốc-vương. An-nam gọi là nước bắt đầu từ đấy. »

Khâm-định dẫn sử ký của Ngô thì Sĩ rằng : « Nhà Tống từ khi cho nước Nam làm nước Phụ-dung, mỗi khi Sứ nước Nam sang cống, phải đi đường Quảng-tây rồi chuyển giao, Sứ-giả chưa từng đến Kinh, đến năm ấy (1164) gặp kỳ tuế-cống, vua Lý gửi thư sang nhà Tống, xin cho Sứ-giả tới Kinh, vua Tống y cho. Theo lệ cũ, nhưng sứ sang cống chưa từng đủ ba Sứ-giả, lần này Lý Anh-Tông cho Trung-vệ-Đại-phu là Doãn-Tư làm Đại-Sứ, lại cho Thừa-nghị-Lang là Lý bang Chính làm chánh Sứ, Trung Dực lang là Nguyễn văn Hiến làm Phó-sứ ; những quan bầu ba bộ sứ đều đủ cả. Khi tới nơi, vua Tống khen là có ý chân-thành lại thấy nhân-vật ôn văn, y quan hòa nhã, rất là

(Xem tiếp trang 19)

Khí hậu và sức khoẻ

A. A. dịch

(Tiếp theo)

B. — Vả lại những dữ kiện của Huntington không căn cứ vào tử số đại cương (taux de mortalité générale) mà lại chỉ lấy những số người chết vì bệnh cúm (influenza) và bệnh sưng phổi (pneumonie) (xem : Huntington *Sivilisation and climate* ch. VIII và IX New Haven 1924). Hai thứ bệnh này, lẽ cố nhiên, có liên lạc với khí hậu hơn là các bệnh khác ; vậy lấy tử số về hai thứ bệnh ấy để biểu thị cả tử số của tất cả thứ bệnh khác, thì thật là không ổn.

C. — Phương pháp của Huntington cũng quá sơ lược : tuy rằng sự thay đổi của nhiệt-độ (température) và thủy phân (humidité) và sự thay đổi của tử số chỉ gọi là hơi có song hàng, thế mà ông giám quyết rằng tử số thay đổi là kết quả của sự thay đổi của thời tiết. Phương pháp diễn-dịch (déduction) hấp tấp như thế không đáng tin. Ông Durkheim trong lúc phân tích những nguyên tố của những án tự-tử đã vạch rõ khuyết điểm của lối diễn dịch này, ấy là về vấn đề tự tử thì sự song hàng giữa thời tiết và số người tự tử lại còn liên lạc rõ ràng hơn nhiều (xem sự phê bình của những phương pháp ấy. Trong sách *Le suicide* của Durkheim ch. III Paris 1912. Trong ấy cũng có bàn về sự liên lạc giữa địa dư và hiện tượng tự tử). Ông A. Binet nhận thấy rằng thực lượng của học trò (do theo số bánh ăn) thay đổi từng mùa. Giả thử ông này cũng theo lối diễn dịch nông nổi của ông Huntington, thì ông đã kết luận rằng sự thay đổi ấy là bởi thời tiết. Nhưng không, ông Binet không hấp tấp như thế, ông đã phân tích chu đáo hơn và tìm thấy rằng nguyên nhân sự thay đổi ấy là công việc học hành chứ không phải là khí hậu (Binet A. « Consommation du pain » *l'Année psychologique* 1897 q. IV tr 337-355).

Vì nhiều lẽ ta không thể tin nhiều khúc tiền (courbes) về tử số song hàng với khúc tiền thời tiết mà Huntington đã tìm ra trong phương pháp sơ lược của ông. Trọn được hai khúc tiền song hàng (courbes parallèles) chưa đủ chứng tỏ rằng hai hiện tượng có liên lạc nhân quả hay liên lạc chi phối. Vả cứ xem những dữ kiện của Huntington thì đã có thể lấy làm ngờ rồi. Nhiều khúc tiền dẫn ra để chứng chỉ sự liên lạc ấy (thí dụ bảng số 7 tr. 62 trong quyển *World Power and climate*) chỉ biểu thị một sự song hàng rất « lỏng lẻo » mà cần phải nề nả lắm mới có thể nhận thấy được sự liên can giữa những khúc tiền

D. — Cơ sở của thuyết Huntington đặt trên một sự suy lượng là : tử số thay đổi từng dịp mà dịp thay đổi ấy là duyên do ở dịp mùa thời thiết. Tôi đã nói trên này, là sự suy lượng đó chưa chắc lúc nào cũng đúng. Chỉ khi nào sự lên xuống của tử số cứ theo đúng gịp thời tiết năm này đến năm khác lúc nào cũng thế, chỉ khi nào, bất cứ ở thời đại nào hay ở nơi nào, mà cứ có một thời tiết giống nhau thì tử số sẽ cũng giống nhau, chỉ khi nào có như thế thì mới có thể nói là tử số tăng giảm vì duyên do ở thời tiết thay đổi. Hiện nay những dữ kiện về tử số và thời tiết không đủ những điều kiện trên. Người ta chỉ nhận thấy rằng : Tử-số tăng giảm từng dịp ngắn, nhưng còn nguyên nhân vì đâu thì chưa rõ... Những nguyên tố thời tiết không đủ giải thích những dịp tăng giảm tử số ấy. Hãy thử lấy làm thí dụ những tháng tử số rất cao trong một năm, hay trong mấy năm. Ngay trong một nơi, mà mỗi học giả thấy một số khác nhau, và năm này sang năm khác lại khác nhau :

kết cục lúc thì tử số tối cao ấy thuộc về mùa này, lúc thì thuộc về mùa khác mà mùa ấy thì rất khác nhau.

Thí dụ, theo Huntington, thì tháng tử số tối cao là tháng hai, hay tháng ba ở xứ Massachussetts; nhưng theo ông Nester thì lại là tháng chạp và tháng ba (Xem M. B. *Social Conséquences of Business Cycles* tr. 55, 1925). Theo giáo sư Whipple thì ở Newyork năm 1910, thì tháng ba, tháng tư và tháng bảy, nhưng năm 1920 thì lại tháng hai và tháng ba (Whiple G. ch. Vital Statistics, bảng 58, 56, 1923). Theo bác-sĩ Fack, về 1919 ở Bắc Mỹ, tháng mà tử số tối cao là tháng giêng. Xem đó đủ biết rằng ta chỉ có thể nói là tử số lên xuống trong vòng một năm, nhưng không thể nói là có từng mùa thay đổi và thay đổi theo thời tiết.

Bây giờ ta hãy lấy thí dụ nhiều xứ. Nếu quả tử số lên xuống theo dịp thời tiết thì tất là ở những xứ khí hậu giống nhau tháng mà tử số tối cao phải giống nhau; và trái lại ở những xứ khí hậu khác nhau thì tháng mà tử số tối cao phải khác hẳn nhau. Sự thực có thế không? Tôi e rằng không. Thí dụ trong khoảng mấy năm 1889-93 thì tháng giêng là tháng tử số tối cao ở các xứ Belgique, Prusse, Wurtemburg, Autriche, Suède, Buenos Ayres và Ecosse. Xem đó thì ra tuy khí hậu khác nhau, mà tử số tối cao lại cùng đúng vào một tháng. Trái lại ở Tây Nga thì về tháng tám, ở Pháp tháng ba; ở Bavière tháng ba; ở Ý tháng hai; ở Saxe tháng tám; ở Bulgarie tháng chạp; ở Uruguay tháng chạp; ở Serbie tháng ba. Xem đó thì thấy rằng ở Serbie và Bulgarie là xứ khí hậu giống nhau ở Bavière và Saxe khí hậu cũng tương tự mà tháng tử số tối cao lại khác nhau. Những sự kiện ấy như muốn phản kháng thuyết khí hậu. Và nếu xét về tháng có tử số tối thiểu thì lại cũng thấy thế. Ở các xứ Italy, Bulgarie, Massachussetts, thì tháng tử số tối thiểu là tháng sáu; ở Pháp, Roumanie, Serbie, là tháng bảy; ở Autriche, Ecosse, Norvège, Suède, Finlande, là tháng chín; ở Belgique, Prusse, Bavière, Würtemberg, Tây Nga, Danemark, và Buenos Aires là tháng mười một ở Rhode Island và Uruguay là tháng năm. Vậy thì ra ở những xứ khí hậu khác nhau hẳn mà tháng tử số tối thiểu cũng là một tháng mười; trái lại ở nhiều xứ khí hậu tương đương mà tháng tử số tối thiểu lại khác hẳn nhau.

Mà có thế thôi đâu! Xem tử số của *một nước* mà thấy khúc tiền thay đổi luôn, năm này sang năm khác, không năm nào giống năm nào. Số tối cao, số tối thiểu không đứng yên vào một thời kỳ nào: năm nay thì tháng giêng, năm khác lại tháng hai, tháng ba; năm khác lại tháng bảy hay tháng chạp. (Xem ở Seasonal Distribution of Mortality in Massachussetts for 1910 and 1920 » trong sách kể trên của Whipple trang 266 và 358; kỳ, độ không nhất định; và cả những nước khác cũng thế). Sự thay đổi ấy trái hẳn với thuyết khí hậu. Nó chứng tỏ rằng tử số lên xuống bất thường, và còn có nguyên nhân khác nữa, chứ không phải chỉ tại thời tiết. Và nếu thời tiết quả có một ảnh hưởng thật quan trọng thì đáng lẽ ra, những tháng khí hậu giống nhau thì tử số phải gần bằng nhau mà trái lại những tháng thời tiết khác nhau thì tử số phải khác nhau. Nhưng thật ra những con số tìm thấy không chứng minh như thế ở Ý, chắc chắn là tháng tám và tháng chạp khác nhau nhiều hơn là tháng mười một với tháng chạp, ấy thế mà tử số tháng tám với tháng chạp lại giống nhau, mà trái lại, về tháng mười một và tháng chạp khác hẳn nhau. Tử số tháng chạp và tháng tư ở Wurtemberg gần giống nhau (1038 và 1056) tuy rằng khí hậu rất khác nhau; mà tử số tháng mười một, tháng chạp tháng giêng lại khác hẳn nhau (1038 tháng một 902 tháng chạp, và 1141 tháng giêng) tuy rằng khí hậu ba tháng giống nhau. (Xem sách của Von Mayer tr. 212; ở xứ Massachussetts, năm 1910, tháng bảy, tháng tư, tháng hai và tháng ba tử số giống nhau; thế mà tháng tám, tháng chín tử số khác hẳn nhau: xem Whipple, bảng 36).

Thành ra biểu thống kê trong các nước có những sự thay đổi chẳng ngờ không hợp với thuyết khí hậu. Ta lại còn nên chú ý một sự nữa là: khúc

triển tử đồ số còn thay với tuổi : từ 0 đến 1 tuổi, từ 10 đến 20 tuổi, từ 30 đến 40 v v... mỗi sáp tuổi có một khúc tiến tử số ; tử số lại thay đổi theo nghề nghiệp, theo giai tầng xã hội theo tôn giáo hay nam nữ. Vậy thì sự tử số lên xuống không theo dịp mùa nào cả, mà cứ lên xuống bất thường, do những nguyên nhân mà ta còn phải kê cứu.

Sự thảo luận qua như vậy cũng đủ thấy rằng ông Huntington không xét kỹ dữ kiện của ông ; thuyết của ông không đủ chứng tỏ rằng tử số lên xuống theo mùa ; nhân có sự lên xuống bất thường mà ông đã giản táo tọn kết luận rằng đó là thời tiết là nguyên tố chính của sự thay đổi ấy.

E. — Huntington còn nói rằng « đối với sức khỏe thủy phần (humidité) có một ảnh hưởng rất quan trọng ». (World Power tr 84). Những sự khảo cứu và thực nghiệm của nhiều học giả khác, đã chứng tỏ rằng thủy phần không có ảnh hưởng gì đặc biệt, hoặc có một ảnh hưởng trái hẳn với thuyết Huntington. Cho nên thuyết của Huntington về phương diện này cũng không làm cho ta được hài lòng.

F. — Nay ta hãy xét một kết quả công cuộc thực nghiệm mà Huntington đã gọi là : « một cuộc khảo cứu chứng tỏ rõ ràng ảnh hưởng của khí hậu đối với sức khỏe » : kết quả ấy thật ra có đâu được rõ ràng như Huntington đã nói. Tác giả đã tính tử số từng tháng (từ năm 1900 đến năm 1915 của 32 thành thị của Hoa-kỳ, dân cư mỗi thành thị hơn 100.000 người (tức thị có 16 năm và nếu cứ kể tháng, thì mỗi tháng có 16 số : 16 số về tháng giêng, 16 số về tháng hai v. v...) Mỗi số 16 tháng ấy lại chia ra làm hai hạng theo khí hậu 8 tháng nóng và 8 tháng lạnh, rồi sẽ tính nhiệt độ hai hạng khác nhau bao nhiêu. Kết quả như sau này :

« 8 tháng giêng nóng nhất của thành New York, thì trung bình hơn tám tháng giêng lạnh nhất ở tỉnh ấy, là 6oF và tử số lại trung bình kém là 0,6% Về tháng hai, nhiệt độ 8 tháng nóng hơn là 6·5 và tử số kém là 4·1%. Về tháng ba th. hơn là 6·4 về nhiệt độ, và kém là 9,7% về tử số Về tháng tư thì nhiệt độ hơn là 3 8 v. tử số kém là 5% ; sang tháng n... ... ... độ trung bình 8 tháng nóng hơn là 8 tháng lạnh là 3 5 và tử số lại hơn là 1,2%, và tháng bảy thì trung bình nhiệt độ tháng nóng hơn tháng lạnh có 2·8 mà tử số tháng nóng lại hơn tử số tháng lạnh là 14,2%. » *(Xem Civilization and climate. P 205*, và trong quyển *World Power* Huntington nghiên cứu tỉ mỉ về tháng bảy, thấy thay rằng nhiệt độ khác nhau là 7oF mà tử số khác là 30% : *World Power* tr 60-61).

Theo ý tôi, thì những con số đó hoặc là thái quá, hoặc bất cập Một đằng nhiệt độ hơn nhau có 2·8F hay 7.F mà tử số khác nhau những 14,2% hay 30% thì thật là thái quá. Một đằng có một vài tháng (như tháng giêng nhiệt độ khác nhau những 6oF, mà tử số lại khác nhau có 0,6% thì thôi thì ít quá ! Đối với một con mắt không chuyên môn phương pháp toán học như tôi thì quả là những con số ấy có lẽ chứ không có lợi cho thuyết liên quan thời tiết và tử số. Huống chi lại còn nhiều sự nhận xét khác làm cho ta càng không tin có tỉnh hễ có bão, hay về mùa rét mà nhiệt tăng, thì có lợi cho sức khỏe mà trái lại có nhiều tỉnh cũng có những hiện tượng ấy mà không có ảnh hưởng gì đối với sức khỏe ; lại có tỉnh như New York thì « sức khỏe đi đôi rất đều với thời tiết », mà có tỉnh khác như Claveland, San Francisco thì « sự thay đổi thời tiết có rất ít ảnh hưởng » (Civilization and Climate tr 205 s.) Ấy là chưa kể rằng những con số ấy chẳng qua chỉ là những con số *trung bình* và « những số trung bình ấy tất thay bởi sự *ước lượng* theo tử số hàng tháng của mỗi tỉnh mà tử số hàng tháng của mỗi tỉnh (không phải là một số thật có) cũng *phải tính theo* sự tiến hóa bình thường của dân cư và sự tiến bộ của nghề thuốc » : ước lượng thế nào cho đúng những sự tiến hóa ấy, (tác giả không nói rõ cách tính tiến hóa dân cư và tiến bộ nghề thuốc thế nào), và trong sự ước lượng làm sao

(Xem tiếp trang 18)

LÔI VŨ

BI KỊCH CỦA TAO NGU

ĐẶNG THÁI MAI dịch

(Tiếp theo)

Phượng— (Giật mình) Ấy ! lại tiếng anh Hai !

Tiếng ngoài cửa gọi vào : Phượng ! Phượng ơi Phượng ở đâu ?

(Phượng nấp vào sau cái divan,

Tiếng gọi vào gần hơn : Phượng ! Phượng có ở trong nay không ?

Chu Xung — con thứ hai của Chu Phác Viên và Phồn-y — Mười bảy tuổi mặt mũi khôi ngô. Vừa đánh vợt xong, Xung đi vào tay trái cầm vợt, tay phải cầm cái khăn mặt lau bồ hôi, miệng gọi Phượng khe khẽ)

— Phượng ơi, Phượng ! *(Phượng nhìn theo)* Vừa đấy lại đi đâu rồi ? *(chạy tới nơi cửa vào phòng ăn mở hé cửa, gọi khẽ)* Phượng ơi ! Phượng ra đây. Xung nói cho mà nghe : hay lắm kia ! *(Lại chạy qua phía cửa vào bàn giấy gọi rất nhỏ:)* Phượng ơi !

— *(Có vẻ gắt)* Thằng Xung đấy à ?

Xung— (Sợ hãi) Vâng ạ ! Thưa ba con đây ạ !

— Mày làm gì ngoài ấy ?

Xung— Con gọi con Phượng mà !

— Đi ra ! nó không có đây.

Xung— (Thất vọng) Quái ! . . . . . .

(Lại chạy về bên phải, theo lối vào phòng ăn, vừa đi vừa gọi khe khẽ tên Phượng.

Phượng— (Chạy ra, thở dài một hơi.) .— Nó đi rồi !

***

(Lỏ Quý đi từ ngoài cửa giữa đi vào)

Quý— Vừa rồi ai gọi mày thế ?

Phượng— Anh Hai.

Quý— Anh ấy gọi mày làm gì ?

Phượng— Biết đâu đấy !

Quý— Sao anh ấy gọi mà mày không thưa lời

Phượng— (Lau nước mắt.) Vì là. . . Nhưng cha bảo tôi chờ đây kia mà !

Quý— (An ủi con) Sao con lại khóc ?

Phượng— Khóc đâu !

Quý— Con khóc làm gì? Có làm quái gì cái ấy ? Ai bảo giời sinh ra tao nghèo khó ?

Người nghèo chả kể gì sốt ! Chả có cách gì sốt ! Việc gì cũng nhịn đi vậy, là xong. Ai không biết con là gái nết na !

Phượng— Được rồi ! Cha muốn nói gì thì cứ nói đi,

Quý— (Có vẻ lo) Mày xem vừa rồi, tao vừa ra ngoài kia là mấy thằng «chó đẻ» đi theo tiếp túc lấy mà gào nợ ! Chúng nó có đến hai chục thằng ấy ! Tao ngó bộ không có hai chục đồng bạc thì méo mặt với chúng chứ chẳng . . . .chơi

Phượng— (Lấy ra một nắm tiền) Đây ! Bao nhiêu tiền của tôi là đấy cả !Tôi định đưa cho để để may áo đây. Nhưng cha cần thì lấy mà tiêu vậy !

Quý— Mày có cần tiêu gì không ?

Phượng— Thôi, đừng làm khách nữa !

Quý— Cười híp mắt lại, cầm tiền đếm) Có mười hai đồng thôi ư ?

Phượng— Chỉ còn có ngần ấy nữa là hết sạch cả đấy.

Quý— Nhưng còn mấy thằng nữa chưa có gì giả cho nó thì làm thế nào ?

Phượng— Thì bảo người ta tối lại đằng nhà lấy vậy. Chốc nữa để đến hẳng liệu sau, ngần ấy tiền cha cứ giữ lấy mà tiêu.

Quý— Ừ ! thì tao tiêu vậy. Món tiền này là món tiền con biếu cha đây. Con thảo ! . . . . Tao biết rằng : mày là một đứa con có hiếu với cha mà lị !

Phượng— Bây giờ để tôi lên gác. . . . .

Quý— Ừ ! ừ ! con lên, ai giữ mày ? Thôi con cứ đi ! Nhớ thưa với bà chủ là cha hỏi thăm bà có đỡ tí nào không !

Phượng— Được rồi tôi sẽ nói.

Quý— Tốt lắm. . . . . Nhưng Phượng này : cha còn có câu chuyện này phải nói với mày,

Phượng— Thì để rồi hẳng nói vậy. Phải đưa thuốc lên cho bà *(bưng chén thuốc)*

Quý— *(Cười gượng)* Nhưng đây là câu chuyện có can hệ đến mày.

Phượng— Lại còn việc gì nữa kia ? . . . *(Đặt chén thuốc xuống)*. Thì nói nốt đi để cho tôi lên gác.

Quý— Nhìn cái mặt kia ! . . . Cứ nhẳng cả lên ! Mai kia làm cô, làm bà, lại gắt gỏng ỏm tỏi và gọi dồn gọi rập người làm cho mà xem !

Phượng.— Thôi cha đừng bịa chuyện nữa ! Nói gì thì cứ nói đi !

Quý — Không phải ! Đừng nghĩ thế : tao bảo mày cẩn thận tí đấy thôi.

Phượng — *(Cười mũi)* Tiền của tôi hết sạch sành sanh rồi, còn xu nào nữa đâu mà bảo phải cẩn thận !

Quý — Tao bảo là bảo thế này này : bà chủ ấy mà, hai hôm nay xem nét mặt... thế nào ấy !

Phượng — Nét mặt bà ấy. thế nào, thì can gì đến tôi ?

Quý — Là tao sợ bà ấy có chuyện gì phiền với mày ấy kia chứ !

Phượng — Phiền gì mới được chứ ?

Quý — Phiền gì ? Để tao nói cho mày mở cái con mắt mày ra. Ông chủ thì già, bà chủ thì non ! Bà chủ chả thích gì ông chủ đâu ! Mà anh cả nhà này, cũng không phải là con bà này. Bà chủ với anh cả có hơn kém nhau cũng chỉ vài tuổi là cùng . . .

Phượng — Thì tôi cũng biết thế.

Quý — Nhưng bà chủ cưng con chồng hơn con mình kia đấy !

Phượng — Làm đi ghẻ thế là tốt.

Quý — Thế mày có hiểu vì sao cái nhà mày này... tối lại không ai được lai vãng... Mà lúc ông chủ lên mỏ, thì ban ngày cũng chẳng có ai được bén mảng tới đây không ?

Phượng — Có phải là vì ma không ?

Quý — Thế mày biết con ma ấy nó thế nào không ?

Phượng — Tôi chỉ nghe nói độ trước ở gian phòng này ban đêm vẫn thường nghe thấy tiếng rên rỉ, thở dài, lại có khi có tiếng khóc, tiếng cười... Rồi họ nói hình như là ở đây có « oan hồn ».

Quý— Ma ! Có ma thiệt ! Chính mắt tao đã nhìn trộm thấy ma rồi !

Phượng — Thế nào ? Cha thấy... thấy gì ?... Ma thiệt à ?

Quý — *(Đắc ý)* Thì ma cũng là ma của tao làm ra, chứ ai vào đây ?

Phượng — Thế nào ?

Quý — Hồi ấy mày còn chưa đến làm kia : ông thì ở luôn trên mỏ, cái tòa nhà này chỉ có anh cả này, anh hai này và bà chủ ở mà thôi. Nhà rộng mà lại tối. Ấy là lúc nhà này bắt đầu có ma Anh Hai hồi ấy còn bé, cứ sợ hết cả hồn, tối nào cũng gọi cho được tao lại nằm trước cửa phòng mới nghe. Một hôm, . . . về thu tiết, lúc nửa đêm, anh Hai gọi tao gọi dậy, nói ngoài buồng khách lại có ma, và bảo tao ra xem. Anh Hai xanh cả mặt, tao thì cũng hơi rởn gáy. Nhưng mình là tôi tớ trong nhà người ta bảo đi cũng phải đi vậy.

Phượng — Thế có đi tới đó không ?

Quý — Tao « tu » ngay hai « tu » rượu hấp, rồi đi qua hồ sen, rồi rón rén đi tới đến cái hàng hiên này, chỗ cái cửa kia kia... Tao lắng tai nghe : trong phòng có tiếng đàn bà sùi sụt khóc . . . Khóc rất nhỏ, nhưng nghe thảm thiết lắm kia ! Tao mới đánh bạo, làm dạn ghé mắt vào nơi khe cửa nách nhìn vào trong phòng...

Phượng — Thấy gì trong ấy ?

Quý — Tao nhìn thấy ngay trên cái bàn kia kia, có một ngọn đèn nến hiu hắt, tắt hẳn cũng không tắt, đỏ cũng chẳng ra đỏ. Đằng sau cái bàn, hai con quỷ đen ngồi xổm nay giữa đất, quay lưng ra phía cửa nách. Nhìn kỹ lại thì hình như một người đàn ông, một người đàn bà, mặc áo đen, mà con ma đàn bà kia thấy cứ bóp chặt lấy con ma đàn ông khóc nức nở ! Còn con ma kia, chỉ cúi đầu xuống thở dài.

Phượng — Thế thì nhà này có ma đích đi rồi !

Quý — Khoan đã nào ! Đang lúc có hơi men, thế là tao liều ghé ngay miệng vào khe cửa, tao đánh hẳng một tiếng khe khẽ thôi ! Tao thấy hai con ma buông ngay nhau ra, nhìn về phía tao mình. Thế là chúng nó ngoảnh mặt lại cả phía tao, và tao nhìn rõ bằng một, mặt cả hai con ma...

Phượng — Ma thiệt à ? Nó thế nào ?... Hay là người ?

Quý — *(Nhìn quanh nhìn quất ; nói nhỏ)* Con ma đàn bà ấy chính là bà chủ nhà này...

Phượng — Bà chủ ? Còn người đàn ông ?

Quý — Con ma ấy à ? mầy đừng sợ nhé ! nó là anh Cả !

Phượng — Anh Cả ?

Quý — Chính... Chính anh ta với bà chủ xưa nay vẫn hiện làm ma nhà này.

Phượng — Chả có lẽ ! Cha thấy lầm thế nào đấy !

Quý — Thôi ! Mày đừng tự lừa dối mày nữa ! Cho nên tao bảo mầy : giương con mắt ra, với ! Đừng vờ vẫn nữa ! Nhà họ Chu này là thế đấy !

Phượng — *(Lắc đầu)* Không ! Không phải ! Anh cả, chả có lẽ !

Quý — Mày không biết à ? Mày không biết anh cả và bà chủ tuổi xấp xỉ cùng nhau à ?

Phượng — Tôi không tin Chả có lẽ.

Quý — Mày không tin thì trộ thấy mày ! Chẳng qua tao bảo cho mày biết là bà chủ mấy ngày nay xem bộ đối với mày không như độ trước. Là... là vì, ... vì mày với....

Phượng — Bà ấy mà biết cha đứng rình ngoài cửa, thì nhất định là bà ấy chẳng thà...

Quý — Thì đã hẳn ! Tao thoát cả bỏ bỏi trấn, rồi tất tả chạy về không dám ngoảnh cổ lại nữa !

Phượng — Về phòng anh Hai có hỏi gì không ?

Quý — Câu ấy hỏi tao, tao bảo chả thấy gì sốt !

Phượng — Thế về sau bà chủ cũng chẳng hỏi dò gì cả ư ?

Quý — Bà ấy cũng chẳng vừa : cứ đo đắn để dò tao có mười mấy lần ấy chứ ! Nhưng tao không hề rỉ hơi. Có lẽ hai năm nay bà ấy cũng vẫn ngờ rằng hôm ấy có con ma thiệt đứng hẳng ở ngoài cửa cũng nên.

Phượng — Chẳng có lẽ !... Tôi không chắc.. Nếu quả có thế thiệt, thì ít ra anh Cả cũng đã nói với tôi rồi.

Quý — Anh ấy lại đi nói với mày ? Mày nghĩ xem : anh ấy người thế nào ? Mày người thế nào ? Mày tính : nếu mày không có lão bổ tử-tế, hầu hạ người ta, thì để người ta đã ăn ở thật tình với mày đấy hẳn ? Mày lại mơ màng đâu đâu những giấc mộng tiểu thư của mày, thế thì kệ thây mày...

Phượng — Thôi ! Cha đừng nói chuyện ấy nữa !.. *(Đứng dậy)* Hôm nay để tối đây, tôi sướng lắm ! Thôi ! Cha đừng nói những chuyện nhảm nhí ấy nữa... Chả đi lắm đi...

Quý — Mày xem chừng ! Nói thiệt cho mà nghe, mà mở mắt ra một tí lại cứ bướng bỉnh ! *(Đi lại nơi cái bàn con, lấy một điếu thuốc, đánh diêm hút, rồi lại rút luôn ba điếu nữa, bỏ vào hộp thuốc của mình, với cử-chỉ rất tự nhiên, lanh lẹ, của những kẻ ăn cắp đã quen tay).*

Phượng — Tưởng điều gì, chứ điều ấy, thì tôi cũng biết thừa ra rồi !

(Lại nâng chén thuốc, định đi ra)

Quý — Rồi hẳng ! Tao còn chuyện nói nữa kia !

Phượng — Còn gì nữa ?

Quý — Giờ mới nói đến chuyện.

Phượng — Cha gàn lắm ! Tôi đi đây !

Quý — (*Giữ Phượng lại*) Mày phải nghe đã !

Phượng — Thì để cho tôi đi chứ !

Quý — Tao bảo cho mày một câu này nữa, rồi mày muốn la gì thì la ! (*Ghé miệng vào tai Phượng*) Lát nữa, nghe không ? đẻ mày tới đây tìm mày...

Phượng — Thế nào ?

Quý — Đẻ mày xuống tầu, là tôi ngay đây.

Phượng — Đẻ không, bao giờ thích đi đến những chỗ lâu đài sang trọng này, tìm chồng, tìm con, thì sao cha lại bắt đẻ tới đây làm gì ? Tối nào, tôi cũng về nhà, thì gặp đẻ, chứ bà tất bắt đẻ đi tới đây.

Quý — Nhưng « tiểu thư » biết cho rằng : không phải tôi bắt đẻ cô, mà chính là bà chủ nhà này bảo tao mới cho được đẻ mày tới đây, nghe không ?

Phượng — Bà chủ, bảo đẻ tới đây à ?

Quý — Ừ mà !.. Thế có kỳ không ? Không bà con quen biết gì nhau, thế mà nhất định mời đến cho được !

Phượng — Thì cha cứ ì è, lần lữa thế có được không ?

Quý — Mày có biết vì lẽ gì bà ấy cứ « lập bệnh » một mình nằm trên gác làm thơ, viết chữ luôn luôn trên ấy không ?

Phượng — Thì xưa nay mỗi một lúc ông chủ về là bà ấy vẫn thế...

Quý — Thế mà lần này không thế nữa, cho mà xem.

Phượng — Thế à ? Là vì sao ? Cha nói cho tôi nghe xem nào ?

Quý — Mày không biết gì cả à ? Anh Cả không nói gì cũng mày ư ?

Phượng — Sáu tháng nay, anh ấy ít khi chuyện trò cùng bà chủ.

Quý — Thiệt thế a ? Thế bà ấy đối với mày thế nào ?

Phượng — Mấy hôm nay có vẻ niềm nở hơn trước nhiều.

Quý — Thế thì dích rồi !... Tao bảo cho mày biết nhé : bà ấy biết rằng tao muốn cho mày có công ăn việc làm ở nhà này, đừng đi đâu sốt. Cho nên bà ấy mới triệu cho được đẻ mày lên đây, để bảo hai đẻ con đem nhau cuốn gói mà cút !

Phượng — Bà ấy... muốn cho tôi ra khỏi cái nhà này ?... nhưng vì sao lại thế kia chứ ?

Quý — Cái ấy thì mày cũng liệu lấy được... Nhưng lại còn chuyện....

Phượng — (*Nói khẽ*) Thế sao lại phải mời đẻ đến ?

Quý — Phải rồi ! Để bảo đẻ mày làm một việc thượng-khẩn.

Phượng — (*Hiểu ý Quý, và nói ân cần*) À ! Thế thì, cha này, dầu thế nào thì câu chuyện tôi ở trong nhà này cha cũng đừng cho đẻ biết đấy. (*Sợ hãi*) Trời đất ! Cha tính độ trước lúc tôi ở nhà bước chân ra đi đẻ cứ đinh ninh dặn cha một hai đề tôi ở nhà, đừng cho tôi đi làm với ai hết. Cha không chịu nghe cho, nhất định đem tôi đi. Đẻ biết đâu sự tình ra thế này ? Đẻ yêu tôi, đẻ cũng tôi. Đẻ xưa nay vẫn tin rằng : tôi là con gái ngoan ngoãn của đẻ. Thiệt chết thì chết tôi cũng không dám cho đẻ biết sự tình này ! (*úp mặt vào cái bàn nước*) Đẻ ơi !

Quý — (*Vỗ về con*) Từ rầy mày mới biết cha mày là tốt với mày nhe ! Cha mày sẽ cưng mày, yêu mày ! Con đừng sợ ! Đừng sợ, nghe không ? Tao đố, tao thách bà ấy đấy : bà ấy đuổi được mày, tao cho là giỏi !

Phượng — Sao bà ấy lại không dám đuổi ? Bà ấy ghét tôi, thù tôi !...

Quý — Bà ấy thù mày, ghét mày đã đành ! Nhưng bà ấy phải biết trong nhà này còn có kẻ bà ấy phải nể ?

Phượng — Bà ấy còn phải nể ai ?

Quý — Nể cha mày, chứ nể ai ? Mày quên chuyện hai con ma đi rồi à ? Cha mày bắt ra quỳ kia ? Hôm qua lúc tao xin phép cho mày nghỉ

một hôm, bà ấy dặn tao hễ để mày đến thì thế nào cũng bảo để lên đây. Tao xem nét mặt bà ấy hai hôm nay, tao cũng đoán được một nửa câu chuyện rồi. Tao nhân dịp đem câu chuyện ma năm trước nói bóng nói gió mấy câu... Bà ta là người khôn khéo, làm thế nào mà không hiểu? Hèm!... Bà ấy giả vờ với tao, nhưng hôm nay ông chủ ở nhà, bà ấy có thể khó chịu vì tao! Tao cũng biết bà ấy là người lợi hại, nhưng bất kỳ ai! Hễ khinh rẻ con tao thì tao không tha!

Phượng — (*Ngẩc đầu lên*) Cha đừng khinh người...

Quý — Trong cái nhà này, trừ cái lão già ra tao chẳng thèm đếm xỉa đến người thứ hai nào sốt! Đừng sợ! Đã có cha mày!

Vả lại có lẽ tao đoán nhầm cũng nên: chưa chắc bà ấy đã hẳn có ý bảy mày ra. Số là, ngoài mặt, lâu nay bà ấy chỉ nói rằng: nghe nói để mày biết chữ và thông sách, cho nên muốn gặp để mày nói chuyện.

Phượng — (*Giật mình lắng tai nghe*). Khoan đã, cha đừng nói nữa. In tuồng bên này (*chỉ về phía buồng ăn*) có ai đứng hẳng ấy!

Quý — (*Lắng tai nghe*) Bà chủ! Đích là bà ấy rồi! Quái! Sao bà ấy lại xuống đây!

Phượng — (*Gạt nước mắt*) Đôi giầy, cha đánh xong chưa?

Quý — Đừng sợ, đừng cuống quít gì sốt! Đừng để lộ nét mặt, nghe không? Đừng nói gì sốt! Cha đi đã đây.

Phượng — Khi nào để đến, cho tôi biết trước cha nhé!

Quý — Được rồi! Gặp để mày cứ làm như là mày không biết gì sốt! Nghe chưa? (*Chạy ra cửa giữa, còn ngoảnh đầu lại*) Và nhớ thưa với bà rằng: cha hỏi thăm bà, chúc bà chóng khỏe, nhé!

Lỗ Quý ra — Phồn y vào)

(*Còn nữa*)

ĐẶNG THÁI MAI dịch

Khí hậu và sức khoẻ

(*Tiếp theo trang 13*)

tránh khỏi sự thiên lệch chủ quan của người ước lượng; Vả lại những kết quả ước lượng ấy lại đem gọt rũa đi cho tiện việc; Xem như thế thì những con số đó, những dữ kiện đó còn có nghĩa lý gì?

Nếu nó có một nghĩa lý thì chỉ là: tử số thay đổi từng tháng và từng nơi và có nhiều nguyên nhân chưa tìm thấy. Những điều chỉ trích trên nay chỉ mới lấy những tài liệu của sách của Huntington làm căn cứ: nếu ta lại lấy những sự nhận xét những tử số ở nơi khác, thời-đại khác trong không gian và thời gian, thì ta sẽ nhận thấy còn nhiều điều trái ngược. Không thể nói được rằng bất cứ ở thời đại nào hay ở nơi nào nhiệt độ tối hảo (tử số ít nhất) là 64° F và thủy phân tối hảo là phải khan ráo, như Huntington đã tưởng tìm thấy. Tôi e rằng ông Huntington đã quá tin kết quả của sự khảo cứu của ông.

Xét qua như thế ta đã nhận được rằng: một điều chắc chắn nhất là thời tiết thái cực hay thủy phân thái quá, hay bão tát có ảnh hưởng bất lợi cho sức khỏe và làm tăng tử số. Nhưng trung gian giữa những cực điểm ấy: quá rét, quá nóng, quá ẩm thấp v. v.. còn rộng lắm, và chính những cực điểm kia cũng tùy từng dân tộc mà thay đổi; Vả lại ảnh hưởng ấy còn có thể bị những ảnh hưởng khác thủ tiêu — Bởi thế nên, chính ngay đối với những khí-hậu thái cực ảnh-hưởng cũng còn có phần không chắc chắn. Vậy cố công mà tìm một luật liên can giữa thời tiết và tử-số, thì không thể nào có kết quả gì, dầu tài liệu nhiều đến đâu cũng mặc, ấy là chưa kể rằng tử-số vị tất đã là tiêu-biểu sức khỏe.

Nãy ta hãy xét một luật liên can khác mà Huntington đã cố tìm ra.

(*Còn nữa*)

A. A. dịch

SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

(Tiếp theo trang 10)

vui lòng sai hữu-ty bàn cho tên nước, mới cho tên là « An-Nam quốc », gia phong vua Lý làm « An-Nam quốc-vương ».

Khâm định và *Toàn thư* q-4, tờ 14 à đều chép việc ấy vào năm Giáp thân (1164). *An-Nam chí nguyên* (q-3, tr. 197) cũng chép vào năm 1164. Duy có *Việt kiều thư* (q-4, tờ 5a kể từ dưới) chép vào năm Thuần-hy thứ 1, tức là năm 1174. *Việt kiều thư* chép như sau này: « Năm Thuần hy thứ 1 (1174) tháng giêng, dẫn Sứ An-Nam yết kiến vua Tống; tháng 2, ban chiếu nước An-Nam sang cống, lễ ý đáng khen, sai hữu-ty bàn định để ban cho tên nước, bấy giờ mới cho tên là « An Nam quốc », phong Nam-định vương, nhưng gia hiệu Thủ-khiêm cộng-thần ».

Qua đời Lý (1009-1225) sang đời Trần, (1225-1413), trong nước vẫn gọi là Đại-Việt, mà người Tàu thì gọi ta là An-nam quốc.

Đến năm 1400 cha con Hồ quý Ly cướp ngôi nhà Trần, đổi tên nước là Đại-ngu.

Năm 1407, người Minh bắt được cha con Quý Ly đem sang Tàu, mới đổi tên nước An-nam làm (Giao-chỉ Bố chánh Án-sát ty).

Minh sử (q. 6, tờ 3a) chép: Năm thứ 5 hiệu Vĩnh-lạc (1407), tháng 5 ngày giáp tý, Trương-Phụ bắt sống Lê quý Ly (tức Hồ quý Ly), Lê-Xương (tức Hồ-hãng-Thương) đem về kinh sư... tháng 6, ngày quý mùi, An-nam dẹp yên, ban chiếu thiên-hạ, đặt làm Giao chỉ Bố chánh ty ».

Năm 1418, vua Lê-Lợi khởi binh, đánh nhau với quân Minh, rộng-rã 10 năm: quân Tàu thua luôn, mãi đến năm 1427, mới xin hòa. Sang năm sau vua Lê-Lợi chính thức lên ngôi hoàng-đế ở Đông đô, gọi tên nước là Đại Việt.

Thế là mất hơn 20 năm, ta bị Bắc thuộc lần cuối cùng, đến năm (1428) mới lại được gọi là nước Đại-Việt.

Người Tàu lại gọi là « An-nam-quốc » vì vua Tàu đã bãi « Giao chỉ Bố Án ty » từ năm 1427.

Minh sử (q. 9, tờ 2a và 2b) chép: « năm thứ 2 hiệu Tuyên-đức (1427), mùa đông tháng 10, ngày Mậu-dần Vương Thông bỏ Giao-chỉ, cùng với Lê Lợi thề tháng 11, ngày Ất-dậu, tha Lê Lợi (!), sai thị-lang là Lý-Kỳ, La nhữ Kính lập Trần-Cao làm An-nam quốc-vương, với hết cả các quan và võ và lại sĩ về ».

Gần bốn trăm năm (1428-1802) nhà Lê, tuy có họ Mạc và Tây-sơn tiếm vị một thời-kỳ; nhưng vẫn dùng hai chữ « An-nam » đối với Tàu, mà trong nước thì gọi là Đại-Việt.

Mãi đến năm 1802, vua Gia-long lấy được Bắc-hà lên ngôi hoàng đế tháng 11 ta năm ấy, sai Lê quang Định, đem quốc-thư và các phẩm-vật, sang Tàu xin phong và xin đổi tên nước là Nam-Việt (*Đại Nam thực lục*, nhất kỷ, q. 19, tờ 10a) Tháng giêng năm giáp tí, là năm 1804, lại sai Lê quang Định sang nhắc về việc đổi tên Trong tờ quốc-thư đại-lược nói rằng: « Đời trước chúng tôi mở cõi đất ở Viêm-giao, mỗi ngày mỗi rộng, có cả các nước Việt thường và Chân-lạp, gọi tên là Nam-Việt, truyền nối đã hơn 200 năm, nay quét sạch cõi nam, lại có cả toàn Việt, nên đem lại hiệu cũ, để tên tốt được chính... », Vua nhà Thanh cho chữ « Nam-Việt » cùng với Đông-Việt, Tây Việt (tức Quảng-đông, Quảng-tây) mặt chữ giống nhau, ý không muốn cho vua Gia long hai ba lần đưa thư, biện-bạch khúc-triết, và nói thêm rằng: nếu không cho đổi tên nước thì không nhận phong vua. Nhà Thanh sợ mất lòng nước ta, bèn lấy chữ « Việt Nam » đặt tên nước, phúc thư lại nói rằng: « Từ trước vẫn có Việt thường, đã gọi là Nam-Việt, nay lại được toàn cảnh An-nam, theo tên hiệu cứ sự thực, nên gồm cả những bờ cõi trước sau mở được, đặt lấy tên tốt, thì nên để chữ *Việt* ở trên, tỏ ý nước ta đã noi theo bờ cõi cũ mà nối cái công rực rỡ của người trước,

đặt chữ *Nam* ở dưới, tỏ ý nước ta mở rộng cõi Nam mà mới được mệnh giời, tên gọi chính đại, chữ nghĩa tốt lành, và đối với chữ Đông Việt Tây Việt ở đất Tàu rõ ràng khác hẳn. »

Rồi vua Tàu sai Bố Xâm đem cáo sắc quốc-ấn sang ta để tuyên phong, lại cho gấm vóc đồ đạc các thứ (*Đại nam chính biên*, q 23, tờ 2b).

Đến đời Minh-mạng đổi là Đại-nam. Xem *Đại Nam quốc-sử diễn ca*, ngay trang đầu có chép rằng : « trong đời Minh-mạng (1820-1840) triều vua ta, đổi làm Đại-nam = Hoàng-triều Minh-mạng niên-gian, cải viết Đại-nam » không thấy chép rõ về năm nào, nhưng cứ xem những giấy má về đời Minh-mạng, thì năm Minh-mạng thứ 14 (1833) đã thấy dùng chữ Đại-nam.

Những sách chữ nho đề tên chữ Đại-nam, cũng bắt đầu có từ năm ấy, như quyển *Đại-Nam hội-điển toát-yếu* (bản sao của Trường Bác-cổ số A 1446 và A 2254), trên có tờ tâu của Lục bộ đề ngày 2 tháng 12 năm 14 hiệu Minh-mạng, tức 1833, và câu « Minh-mạng thập tứ niên khâm định » (vua định năm thứ 14 hiệu Minh mạng).

Như thế, có thể nói rằng : tên nước ta đổi làm Đại-Nam vào khoảng năm 1820-1833. Từ bấy đến nay, chưa thấy đổi sang tên khác. Vậy sách vở giấy má nên theo chữ « Đại-Nam ».

(Còn nữa)

Ứng Hòe **Nguyễn văn Tố**

Một trại nuôi gà...

(Tiếp theo trang 8)

— « Sự thực miền Trung-châu không thể là một nơi chăn nuôi. Một số ít trâu bò cần để cày ruộng họa kiếm đủ cỏ ăn trên những bờ ruộng và những đường nhỏ, nhưng để bù lấp vào đấy người ta có thể chăn nuôi súc-vật nhỏ như gà, lợn, chó » (1).

Như vậy ta đã nhận thấy tính cách xã-hội của việc khuyến-khích và khuếch-trương nghề chăn nuôi trên đây, chưa kể đó có thể là một nguồn lợi lớn cho một nước chuyên về nông nghiệp như nước mình. Người ta có thể, theo cái chính sách đã đem áp dụng được mỹ mãn ở bên nước Đức, mở mang những khu vườn — trại, nhất là ở những vùng ngoại châu-thành các đô-thị lớn, ở đó thợ thuyền trong giờ nhàn rỗi vừa giồng giọt những thức cây ăn quả, vừa chăn nuôi súc vật như gà và thỏ. Ngoài ra người ta lại nghĩ đến việc quảng cáo làm cho dân quê biết đến những giống gà và thỏ âu mỹ cùng là chỉ dẫn cho họ những phương pháp chăn nuôi thế nào cho có lợi, tránh khỏi những sự tai hại thương sảy ra mà tôi đã nói ở trên.

TẢO HOÀI

(1) Xem bài « *Note sur l'alimentation du paysan du delta tonkinois et les améliorations qu'il est possible d'y apporter* » của Ô. Betreau — Roussel đăng trong *Bulletin de l'Institut indochinois pour l'étude de l'homme* Tome V — Fascicule I — 1942.

Đã có bán

HÁT DẶM NGHỆ TĨNH

do tác giả **Việt Nam Cổ văn Học sử, NGUYỄN ĐỔNG CHI** *khảo cứu*

Một lối văn rất xưa chưa được ai biết ! — Một lối văn chỉ sản xuất riêng trong một vùng ! — Các bạn sẽ thấy có nhiều cái lạ mình không ngờ ! — Nghệ Tĩnh quả là một vùng khác lạ nhất trong nước Việt Nam chúng ta.

Sách dày 350 trang — bìa đẹp — **Giá 8$00**

Sắp phát hành : **NHỮNG SỰ GẶP GỠ CỦA ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG** *Giáo sư* **TRONG NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG** *Vũ bội LIÊU*

Ở Hanoi sách để bán tại : *Nhà xuất bản* **TAN VIET** — *29 Lamblot 29 — HANOI*

NGUYEN GIA TRI

(1939 — 1944)

NGUYỄN ĐỖ CUNG

Phòng triển-lãm của phòng thông tin. Cùng với mấy tấm tranh sơn dựa mới xong gần đây, họa sĩ Nguyễn-gia-Trí có bầy một bức sơn dựa xong từ năm 1939. Năm năm : 1939 đến 1944. Một kết quả làm ta ngạc nhiên

Chất sơn dựa đủ bắt đầu nhắc cánh.

Tôi muốn nhận thấy cái sinh lực đầu mối của sự tiến hóa đó.

Đen, đỏ, vàng, tím. Với những mầu hơn kém nhau chút ít của nghề sơn, họa-sĩ đã cho ra một cuộc sống mà sự giầu sang tương tự như cuộc sống thực của ta.

Sự tạo tác bao giờ cũng đẹp.

Còn gì khó sượng bằng vỏ trứng gà giữa mấy mầu đen đỏ. Vỏ trứng đó đã thành ánh sáng nhẽ-nhại và huyền diệu trên thân thể của một thiếu-nữ mặc áo đỏ trên một bức sơn. Giữa một cảnh lộng lẫy, thiếu nữ đó đã tưng bừng đi ra cùng mặc áo sẫm xanh

Áo sẫm xanh này chỉ có sơn đen và vỏ trứng gà.

Không còn có thể nghĩ đến sự dựa dẫm ở họa-sĩ, những hình thù thốt ra đanh-thép như vẫn sống như vậy tự bao giờ, dẻo-dị và bền-bỉ như những vật thiên-nhiên. Kết quả của suy nghĩ và kinh nghiệm,

Tôi thử so-sánh hai cái bóng nước ; 1 cái bóng nước trên bức bình-phong treo trong cùng buồng triển-lãm, cái nữa trên tấm tranh sơn tôi vừa nói đến ở trên. Bức trong còn gần sự thực trông thấy. Mà ở bức ngoài mới là kỳ-thú, phóng khoáng, linh động, giầu mạnh và rực rỡ. Bức trong còn rút rát lam từ 1939. Bức ngoài mới xong gần đây. Bức trong gợi hình ảnh một bức thủy-mạc. Bức ngoài mới là bằng sơn dựa, hợp lý và quện sống tự nhiên.

Người ta đã quên chất sơn. quên đầu đề quên hết để mà tưởng được sang giầu sang cạnh họa-sĩ Nguyễn-gia-Trí.

Nhưng có thể nào đầu mối sự huyền diệu đó không khởi sự trong lòng họa-sĩ ?

Hơn cả tôi thấy vẫn mê mẩn trước một bức tranh điều hợp phác bằng sơn bột. Bức này treo chỗ thoạt vào phía tay trái, sau hai bức phóng-họa.

Một cuộc lộng vũ có chừng mực.

Ở đây lại phảng phất một mối yêu đương chung gì, yêu đương huy hoàng mà hàng ngày tôi cảm ơn Thiêng liêng tuyệt đối vẫn cho tôi hưởng trong cuộc sống. Nên tôi phải cảm ơn anh. Anh gợi lên cho tôi phong phú và rõ rệt. Anh đã nói thực vì đã nghe mãnh liệt. Bằng tin tưởng sung sướng tôi bay theo tuy, cũng đã như nhạc sĩ, anh dùng rất nhiều cung bực, tuy người bay trước tôi thật kỳ-dị vì thông thái.

Nhưng dù thông thái thế nào anh cũng đã có sống nên tôi mới không thể nào cưỡng nổi mà không tin ở anh. Sung sướng tôi thấy cả tôi.

NGUYỄN ĐỖ CUNG

... Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng cái tấm thân của mình mà thâu lấy những cái khí hùng vĩ của đoàn thể nó phối hiệp với những cái di truyền của tiền nhân cùng là những tiếng gọi của tương lai.

MARÉCHAL PÉTAIN

VỐNG NGÔ ĐỒNG

NGUYỄN TUÂN

« Một thứ « tùy bút » lại càng nào nhãn »

Một đêm không muốn nghĩ về mình nữa, nằm trên bãi cát bể Cửa Đại, tôi lấy luôn hai cổ tay tôi làm gối. Mình lại cho luôn đôi tay quý báu của mình xuống dưới đầu mình, gối ngay lên những cái gì xưa nay vốn được việc nhất cho mình và vốn cũng làm hỏng nhiều việc của mình. Tôi nằm như thế nhìn cái lồng lộng của trời thẳm và lắng cái dồn dập của bể cả. Trời đè lên tôi và tôi đè xuống cát bãi. Giá cái sao băng qua trời có làm bận lòng tôi thì hạt cát nín thít dưới trọng lực của hình hài mình lúc ấy cũng làm tôi bận lòng ngang thế. Bãi ẩm. Nước triều của chiều hôm từ từ biếp dải bờ. Vai tôi, lưng tôi và tất cả người tôi thấm muối dần dần. Tôi cựa mình vài lần. Chiếc gối cũng thay chiều tay luôn luôn và tâm ý tôi cũng đổi hướng. Rồi tôi mới biết rằng còn lâu lắm — lâu lắm, nghĩa là có khi một đời người cũng không đủ —, tôi mới có được cái đức nhẫn nại của con nhà chài chỗ hải tần nằm im trên bãi có khi thâu mấy canh liền rình cái màu sắc chuyển biến rất huyền bí của một đại dương tinh tú và chờ đón một ngọn gió lợi chiều có khi một đời tuần mới thổi đến. Và tôi lại vẫn hiểu luôn rằng cái công khó nén ấy của kẻ nằm chờ kiên gan trên bãi là có bao giờ mà không được đền đáp. Sau những ức triệu giây phút mộng tưởng của ngư phủ thì bãi khô bao giờ cũng vang lên một cơn gió hữu tình và cái người nằm im đấy từ bao buổi đã vùng tay nhổm dậy, đưa mạnh chân bước xuống một con thuyền cánh phồng chứa những toại nguyện của tin gió.

Những điều trang nghiêm đó, tôi nằm trên cát bãi, cũng biết cả đấy. Nhưng tôi không nằm im được nữa. Tôi thay chiều nằm luôn. Trên cái mặn và chát của bãi sũng dẫn, tôi v[illegible] nhai cái bứng của người bị một [illegible] lớn đến nhà không tỏ được với ai và đêm tối này lại phải đem ra tận chỗ bể giời vô hạn đây mà trần tình. Lúc ngồi nhổm dậy, nhớ đến một cái cánh tay trái tôi vừa rơi thõng qua trước mặt, tôi vụt nhớ luôn đến một câu nói — không phải của ai cả, không phải của bậc triết nhân nào đã khuất hoặc của đấng thánh sống nào của hiện tại — tôi vụt nhớ một câu tôi nói với một người đàn bà, mới trong năm nay thôi: « Thưa người đàn bà, giờ này, tôi thấy một cánh tay tôi là thừa! » Chưa bao giờ, tôi nói được một câu tầm thường và chí thành đến như thế. Câu nói đúng dịp ấy, tôi không có nhắc lại tới lần thứ hai. Vì sau cái lần muốn quăng ngay một cánh tay mình đi đó, tôi không gặp lại người đàn bà, mặc dầu lòng tôi muốn. Ngay sau buổi nghe câu đó, hằng hình dáng thiết tha của kẻ vừa biết cho và vừa biết nhận, người bạn thề giao của tôi lại trốn tôi và tự đánh nhoè vào cái luân lý của số đông như trong những ngày cũ. Lẽ tất nhiên là tôi cố đi tìm với cái ý định là trách nhau về chỗ thoát sáo cố nữa với. Ở một chỗ rất đông quan khách, tôi đã gặp lại cái người tôi định biếu không một cánh tay đó, nguyện suốt đời mình sẽ mang lấy tật trên thân hình. Trái với sự bẽn lẽn mà tôi đang chờ, tôi chỉ gặp lại một nỗi thản nhiên và lạnh lùng. Trong lúc đàm luận với những người khác số đông là trí giả, người cũ của tôi đã trở nên một người rất mới và, nhân đả động đến những sản phẩm về hội họa gần đây, người bạn cũ tôi bèn mượn một câu đã xưa mà chen vào: Là những tác phẩm nghệ thuật không nên làm lại; hoặc là — kẻ kia — nghệ sĩ đã không thành công. Kín vậy thay, cái người bạn gái cố chữ. Buổi nọ, tôi đã lầm lỗi ở đoạn nào? Tự nhiên, tôi thấy tay tôi thừa thật và tưởng đầu như phòng này là một khoảnh sân khấu mà trên đó, tôi đang vụng về giữa ánh sáng và càng [illegible] với mình, mình càng thất [illegible]. [illegible] lại đấy, những giận tiếc, rạ về. Lúc đi, tôi lại chỉ cần biết có an ủi

mình rằng ta người ta không bao giờ tắm hai lần ở cùng một khúc sông.

Trên bãi cát Cửa Đại, một đêm chỉ định biết đến có sao trời và cát bể, khi không một cánh tay trái tôi rớt thõng xuống, đã làm bật lên trong đêm sóng một khuôn mặt đàn bà. Cũng như nhiều người bạn thân, kỷ niệm hay trở về vào những lúc chúng ta không chờ đợi đến. Có lẽ cái thú sống là ở chỗ không dọn xếp đón chờ.

Từ cái phút nhìn cánh tay rơi xuống, tôi đã bắt đầu quên hẳn cái nền trời lỗ chỗ những sao nhấp nháy. Ban nãy, nằm ngửa, nhìn thấu vào lòng đại dương tinh tú, tôi đắm đuối trong cái ý niệm là mình đang rơi tõm vào cái bể sao; rồi lòng tôi thấy sợ. Bây giờ, người tôi chỉ còn phảng phất cái dư vị ngộm ngợp ấy. Và bể đổn vào bờ, mỗi lúc đứt một chân sóng, tiếng ầm đục ngắn gọn của đợt triều bằng trong khoảnh khắc sao mà giống cái tiếng dứt của cuối hồi trống tuồng thúc rền khi sân khấu có những cảnh ra quân. Từ hôm xuống bể, ý nghĩ bận vì điều gì thì không kể, chứ mỗi lúc tai phải vướng vì tiếng sóng, thì lòng tôi lại quay về với mấy khoảnh sân khấu ở Huế, Cửa Hàn, Phố và suy nghĩ về mấy đêm mình diễn kịch tại mấy đô thị ấy. Sóng bể, sóng lòng, sóng đạ quang của sân khấu, sóng mắt khán giả, sóng câu nói của người cùng sắm kịch lúc giao lời với mình. Và những cái sóng ngầm của lòng mình, giữa hai lúc bỏ mắn và kéo màn, khi mình vừa thấm mồ hôi trên lớp phấn, mặt vừa nghĩ thoát ra ngoài vai tuồng mình đang sống.

Sóng bể vẫn đổ vào ven bãi. Bọt bể tràn cát bờ. Hết ầm ỹ, ỷ ầm thì lại sẻo sẻo. Cái tiếng cả của bể lớn có lẽ đến lúc tận thế cũng chưa chịu nín bặt. Giận dỗi gì với ai mà ngày đêm lúc nào cũng chồm chồm lên như thế? Lòng tôi mỏi lắm. Thấy cái lối vô cùng bất quyện của bể mà mình lại càng hết muốn mỏi. Há chẳng nên nhập tiền ở trên cát này để mà tìm rút lấy một điều gì?

Sóng bể lại dội vào như bao giờ và vang reo như dư âm của tiếng quân chạy hiệu giữa sân khấu. Ảm ảnh. Ra ngoại cảnh, chỉ là huởng ứng của nội tâm mình và để mấy khi mình đã trôn được mình.

Trước kia, tôi chỉ là một người cầm bút. Ít lâu nay tôi lại còn là một người diễn kịch. Độc giả, khán giả Minh khó mà hoàn toàn còn là của riêng mình nữa rồi. Cò gì lắm gì! Ngày bãi hóa xưa xa, sau khi bỏ trường gởi lại chữ giả thầy, phụ đến việc thi cử và lòng mong mỏi của thân quyến, có đọc được ít sách không ở trong phạm vi giáo khoa, tôi còn nhớ một câu của một danh nhân đồng thời: « Mỗi đứa chúng ta có một công chúng riêng ». Tôi đã không hiểu nghĩa. Phải đợi mười lăm năm — Không sớm hơn, không chậm hơn Vương Thúy Kiều —, tôi mới nhận rõ thấy ý nghĩa đáng kinh sợ của danh từ này. Công chúng, ôi cái công chúng « chỉ biết nhớ đến có cái việc cuối cùng mình vừa làm »! Những ngày vừa qua, tôi đã làm những gì nhỉ? Tôi đã làm những gì để lúc bây giờ người tôi phải thắc mắc đến như thế này? Đi ra bể mà nghĩ ngợi. Ý chừng đấy là ý-niệm của những người không ra bể bao giờ hoặc là có độ lượng và có sẵn nhiều thành kiến tốt đối với đời sống. Chẳng cho mình nghỉ ngơi mà lại buộc mình nghĩ ngợi, tôi thấy cái bể lớn không biết chán mỏi đang dồn vào lòng mình kia là một điều gì mệt lắm. Người tôi nóng ran lên. Tôi nhảy ùm vào một khúc sóng đang dâng lên. Sóng bạc đầu cao hơn một ngọn tường hoa. Nó nhào tôi xuống và soáy mãi tôi xuống đáy nước vần cát bờ. Vì không sủi tăm nữa! Tôi cho đấy mới là cái hình thức hoàn toàn của Bình Tĩnh của Yên Ổn. Nhưng tay tôi lại quơ trên làn nước. Nước loé những chất lấn. Tôi nhìn rõ hai cánh tay tôi — hai cái tay mà từ ngày đời tôi có khán giả, tôi nhiều khi muốn vứt đi những lúc qua lại trên sân khấu. Tôi nhớ lại những buổi tập kịch đang nói đang đi mà riêng không biết gối đôi tay vào đâu cho nó ổn. (Định vứt đi một, thì người đàn bà ấy đã không dám giữ lấy đã chỉ dám nhận có trong một tối thôi). Chẳng nhẽ giấu mãi vào túi quần túi áo và cứ phải cầm mãi một vật gì. Mới hay sân khấu là một chỗ để người ta thấy người ta là có thừa một cái gì cũng như cuộc đời là một chốn để chúng ta cảm thấy mọi nỗi thiếu thốn.

(Còn nữa)

NGUYỄN TUÂN

Sự phát triển trí tuệ...

(*Tiếp theo trang 6*)

— Cũng cậu P.

Nếu không có hồ, thuyền không bơi được

Các em gái phần nhiều giả nhời : *Trên tầu điện có các ông, các bà, các cô tân thời, có trẻ con.*

Hỏi về mẹ ở nhà thì những câu giả nhời khác nhau tùy theo giai cấp.

— *Mẹ làm cơm,*

— *Mẹ tôi cầu kinh – mẹ ngủ, mẹ đọc sách thi Tú- tài (vì trong nhà có chị học thi Tú-tài) mẹ đội mũ, hái hoa.*

— *Thỉnh thoảng mẹ mắng em, giặt áo, đi mua bán, thỉnh thoảng lại nằm nghỉ.*

XI, XII Sức biết nhiều chữ nhiều tên

(Vocabulaire)

Để các em nhìn vào trang vẽ rồi gọi tên hình vẽ.

— Có em nhìn đường tầu hỏa gọi là cái thang.

— Có em nhìn cái đầu tầu gọi là cái tầu lăn.

— Có em nhìn cái mái chèo gọi là cái sẻng.

— Có em nhìn cái cành buồm gọi là cái tầu gẫy.

— Có em vì ở trường xem nhiều tranh vẽ đến nỗi nhà có cừu mà không nhận ra con cừu lại nhận được con lạc đà, con *voi*.

Tranh vẽ sau này lại nhiều câu giả nhời ngộ nghĩnh

Hình vẽ 1. cái đầu 2. cái cổ 3. cái ngực. 4. cái lưng. 5. cái cánh tay 6. bàn tay. 7. ngón tay 8. bàn chân 9. cái miệng 10. cái mũi, 11. con mắt 12. cải tai.

— Các câu giả nhời về cái đầu : *đấy là một người đàn ông ; Một người đàn bà. Một thằng bé con.* Một em nhỏ nói : *Đó là một ông đang khóc, vì bị ai cắt.*

— Cái cổ : nhiều em không nhận được. Có em gọi là *Cái ghế.* Một em giải gọi : *đây là để cái đầu lên.*

— Cái ngực, cái lưng : Có em gọi là *cái áo.* Một cậu em 6 tuổi ra vẻ nhà bác học gọi là *Cái xương sống*

— Cánh tay, bàn tay, có em gọi là *ông bị cắt, bà bị cắt*

— Cái miệng : có em gọi là *miếng rẻ lau, cái đuôi cá*

— Cái mũi : có em gọi là *quả carotte, lạp xường.*

— Con mắt : có em gọi là *cái mũ.*

— Cái tai : có em gọi là *con sên,*

Ô-TÔ NHÀ LẦU,
CÁI MỘNG ĐÓ
SẼ THÀNH SỰ THỰC
NẾU CÁC NGÀI MUA VÉ SỐ ĐÔNG PHÁP (1$)

BẢNG KẾT QUẢ : % CÂU GIẢ NHỜI ĐÚNG

số trẻ	tuổi	đầu	cổ	ngực	lưng	cánh tay	bàn tay	ngón tay	bàn chân	miệng	mũi	mắt	tai
7	2	0	0	0	0	0	86	14	43	0	0	0	0
9	3	44	11	0	0	22	67	56	67	0	11	11	11
14	4	50	36	28	7	50	93	57	78	14	21	78	43
12	5	58	25	8	8	75	100	83	92	8	8	67	25
12	6	75	83	93	25	93	100	100	100	50	50		92
10	7	80	30	10	20	70	100	100	100	50	50	100	90

Xem cái bảng này ta nhận thấy :

Hình cái bàn tay hợp với trẻ 2 tuổi

— chân — 3 —

— con mắt — 4 —

— ngón tay, cánh tay 5 —

— đầu — 6 —

Một điều nghiệm lý thú : Có một em nhìn hình con voi gọi là cái ghế tràng kỷ (ai nấy xung quanh đều cười). Đến lúc đưa xem hình vẽ hoa quả, đến quả dâu tây (fraise) cậu em đột nhiên gọi là con voi.

Như vậy tuy mắt trông một hình vẽ khác mà trong tinh thần lại làm nhiều việc (recherche subsconsciente) để cố tìm câu giả nhời cho đúng cho một câu hỏi khác thực quý biết bao nhiêu !

Kết luận. — Các em giai cấp chỉ khác nhau lúc nhỏ tuổi đến 7 tuổi thì trí tuệ tương đương

Trẻ em nhà phong lưu thì độ 5 tuổi biết tột bực, trẻ em lao động phải 6 tuổi.

Một bài học giáo khoa. — *Conséquences pédagogiques.*— Có thử các em như thế mới thấy rằng dùng tranh vẽ dạy các em tuy lợi hơn nhời nói không, nhưng cũng có hại.

Là vì khi chỉ tranh cho các em một vật gì thường em lại nhìn cho là vật khác. Thế rồi vì thế trí tưởng tượng quá mạnh, nên em cứ nghĩ vật khác mãi, dù chữa thế nào em cũng nhầm

Cho nên ta chỉ dùng tranh ảnh khi nào vạn bất đắc-dĩ. Nên để cho trực tiếp với tạo vật.

XIII, XIV, XV không có gì đặc sắc.

XVI. *Trình độ tri thức.* Connaissances.

Câu hỏi. 1. Tên họ
2. Tuổi em
3. Giờ giấc
4. Ngày nào
5. Mùa
6. Sáng hay chiều
7. Nhà ở đâu
8. Nghề của bố hay của mẹ.

Cách phê bình.— Câu thứ 3 thì trẻ nói sai nửa giờ cũng nên cho là được. Câu thứ 8 thì nếu trẻ không nói được nghề nghiệp cũng phải nói cha mẹ làm gì rõ ràng mới được hợp lệ

	1 tên	2 tuổi	3 giờ	4 ngày	5 mùa	6 sáng chiều	7 nhà ở đâu	8 nghề của bố mẹ
2 tuổi phong lưu	100	67	0	0	33	67	0	33
— lao động	80	20	0	0	0	0	20	20
3 tuổi phong lưu	80	80	40	0	40	40	80	40
— lao động	40	20	20	20	40	60	60	40
4 — phong lưu	100	80	40	0	80	100	100	80
— lao động	88	25	13	25	50	75	75	63
5 — phong lưu	100	100	40	80	100	100	100	100
— lao động	100	71	43	29	86	100	100	71
6 — phong lưu	100	100	86	57	100	100	100	71
— lao động	100	100	100	80	100	100	100	10
7 — phong lưu	100	100	100	100	75	100	100	10
— lao động	100	100	67	100	83	100	100	38

Các em dù giai cấp nào cũng biết tên họ mình lúc 2 tuổi.

— *Biết tuổi :* trẻ phong lưu 3 tuổi
— — lao-động 5 —
— *Nhà ở đâu ?* Trẻ phong lưu 3 tuổi giả nhời được
— — lao động 4 — —
— *Mùa nào ?* — phong lưu 4 tuổi —
— — lao động 5 — —
— *Ngày nào trong tuần lễ :* trẻ phong lưu 5 hay tuổi giả nhời được
trẻ lao động 6 tuổi

Nghề của cha.— Đây là mấy câu giả nhời lý thú của c. hỏi từng năm một từ 2 tuổi 4 tháng, đến 8 tuổi

c .— *2 tuổi 4 tháng :* Cha rửa tay (em C. không thấy cha chữa bệnh, chỉ thấy cha rửa tay trước và sau khi thăm bệnh)

c .— *3 tuổi 9 tháng :* cha làm việc, viết.

c .— *5 tuổi :* cha đánh máy, cha cầm bút viết.

c .— *6 tuổi :* cha chữa bệnh, đi auto.

c .— *7 tuổi :* cha làm docteur, giải phẫu (chirurgie) cha làm tài xế (chauffeur).

c .— *8 tuổi.*— cha làm docteur, giải phẫu, làm thầy thuốc. Vì C trông thấy cha đi ô-tô, chứ không thấy cha chữa người ốm, nên tới 7 tuổi còn ngờ cha làm tài xế.

Xem cái bảng mục lục ở đây thì tới 4 tuổi, các em có thể nói rõ ràng cha mẹ làm gì.

XVIII, không có gì đặc sắc.

XIX. — Câu hỏi thời sự.

Các em có thích chiến-tranh không ? Tại sao ? Phần đông em nào cũng nói không thích; chỉ trừ các em non quá, 2 hay 3 tuổi kêu là có thích

— Các em từ 3 đến 5 tuổi.— *Tôi sợ lắm, không đẹp không tốt.*

— Các em giai 4 hay 5 tuổi *Người ta bắn cho sợ lắm.*

— Các em gái : *Người ta làm đổ nhà thì ngủ đâu được.*

— Mấy cậu từ 5 đến 7 tuổi : *Không làm việc được*

Có 2 em nghĩ đến quốc-gia :

Em 5 tuổi : *Đổ nhà đổ cây chỗ nào cũng hỏng cả.*

Em 7 tuổi . . . . . :

Một em gái 3 tuổi 8 tháng: *không có trường nữa học đâu được ?*

Một em gái 7 tuổi con nhà nghèo : *không có bánh ăn thì chết.*

Tới chỗ này, chúng ta không khỏi bi-quan về cách giáo dục con em trong các nhà gọi là nhà phong lưu (classe bourgeoise) về chiến tranh, các em phong lưu : *tôi không thích chiến-tranh, vì người ta giết tôi, đốt nhà tôi, nghèo thì khổ lắm.*

Các em lao-động. — *Tôi không thích chiến tranh vì người ta giết chúng ta, người ta đốt nhà của mọi người.* 46 l. em phong lưu có tâm-địa vị-kỷ còn phải lao-động không em nào như vậy. Tưởng các nhà phong lưu phải để ý đến giáo dục con em (lời tác giả).

XX, XXI. — Không có gì đặc sắc.

XXII. — *Suy nghĩ thông minh.* Jugement intelligence 6 câu hỏi.

Các em phải làm gì khi :
1) buồn ngủ ?
2·) thấy rét ?
3·) — đói ?
4·) khi mưa ?
5) khi ốm ?
6·) khi bắt được tiền ngoài phố ?

— 1·) *Buồn ngủ.* Em nào cũng nói *đi ngủ.*

Có mấy em 2 tuổi kêu phải *ngáp.*

— 2·) *Thấy rét.* 3 câu giả nhời

— *Phải về nhà.*

— *Phải ở nhà.*

— *Phải trốn.*

— Các em nhớn 6, 7 tuổi nói là *phải sưởi,* ngồi cạnh hỏa lò. Có em kêu *phải mặc áo, đi bít tất tay.*

— Sáu em kêu là *phải đi ngủ.* Có em nói phải *soa tay,* có em nói là phải *bảo mẹ.*

— *Lúc đói*

— Em 2, 3 tuổi : *phải uống nước, phải ăn (!)*

— Em 3, 5 tuổi : *ăn bánh, nước*

— Em nhớn nữa : *phải ăn.*

— Một em ở nhà bồ côi. *Ôi chao ôi, được chuông gọi đi ăn thì sướng quá*

— *Lúc mưa* Các em bé : *phải đội mũ, phải mặc manteau.*

Các em nhớn : *phải lấy ô, phải giương ô ra.*

— *Lúc ốm :* Có em nói : *phải đi nằm, phải đi gặp ông thầy thuốc.*

Có em nói : *phải chữa cho khỏi.*

Có em 2 tuổi nói : *phải lấy đồ chơi, phải ăn kẹo.*

Trong 5 em nói *phải uống thuốc* thì có một em giai và một em gái con nhà dược sư.

Các em con nhà thầy thuốc nói là *phải bôi bông, phải dùng hàn thử biểu.*

Một em nhà lao-động nói là *phải đi nhà thương.*

— *Lúc tìm thấy tiền ngoài phố.* — Đây chỉ là lối thử cho trẻ 7 tuổi.

— 26 *l.* trẻ nói là *tiền để mua bánh.*

— Một em nhà phong lưu nói là *đem ra cửa hàng để bán, để lấy tiền !*

— 10 em nhà lao-động nói là *đưa cho mẹ.*

NÊN ĐỌC BÁO

THANH NGHỊ

VÀ ĐÓN ĐỌC SÁCH CỦA

THANH NGHỊ

TÙNG THƯ

— 6 em phong lưu đã có tính phòng xa, kêu là *giữ trong tủ, giữ trong ví* Có 2 em vệ sinh nói là *nếu tiền bẩn phải đem rửa.*

— Chỉ có trẻ 6, 7 tuổi là biết nói đem giả, hỏi người nào mất, mang trả cầm trình.

XXIII, XXIV, XXV. — Không có gì đặc sắc.

4 câu hỏi so sánh.

1·) Con chó so với con chim.

Có em thì nói : *Con chó to, con chim bé.*

— — — *Con chó chạy, gâu gâu, con chim bay.*

— — — *Con chim có cánh con chó không có cánh*

— — — *Con chó 4 chân, con chim 2 chân*

— — — *Con chó, con chim mỗm không giống nhau*

— — — *Con chó ở trong nhà, con chim trên cây.*

— — — *Con chó kêu vou vou, con chim kêu pi pi.*

Đây là mấy câu giả nhời lý thú của em hỏi từng năm một.

1·) Lúc 4 tuổi : *Cũng cho và co . chim lên khác nhau.*

— 5. — : *Con chim hót, con chó kêu von von*

— 6 — : *Con chim kêu qui qui con chó gâu gâu.*

— 7 — *con chim 2 chân con chó 4 chân.*

— 8 — : *Con chó bắt con chim được, con chim không bắt được con chó.*

2) Con ngựa so với con bò cái.

— *Con bò cái có sữa, con ngựa không có sữa.*

— Một em gái : *Con bò có sữa, con ngựa thì hư lắm, nó đá.*

— Một em giai 5 tuổi : *Cái bò cái không để ăn ngựa mà người ta khong lấy sữa của con ngựa.*

— Các em khác : *Con bò cái có sừng, con ngựa không có sừng.*

— *Đầu hai con không giống nhau.*

— *Đuôi hai con không giống nhau.*

3·) Quả táo (táo tây) so với quả lê *(poire)*

— *Quả táo tròn, quả lê dài.*

— *Quả táo vị khác quả lê.*

— *Quả táo ảo, quả lê xa lạ.*

— *Cuống quả tao ngắn, cuống quả lê dài.*

Có em giả nhời ngộ-nghĩnh : *hai quả không giống nhau, nếu giống hóa ra 2 quả táo, 2 quả lê cả !*

1) Cái tách, cái cốc

Em 4, 5 tuổi. Cái tách có quai, cái cốc khong có quai, Em 6, 7 tuổi. Cái tách sứ, cái cốc bằng thủy tinh. Tuổi nào 3|4 trẻ so sánh hợp lệ xin thảo bảng sau đây:

Việc quốc tế

TỪ 12 ĐẾN 19 AOUT 1944

Mặt trận Á Đông

Ở Trung Hoa quân Nhật đã hạ được Hành-Dương (Hồ-Nam) Liên-giang (Quảng Đông).

Ở Thái-Lan, biên giới phía Bắc, quân Thái-Lan đã đình lui được địch quân tràn qua.

Trên Thái-Bình-Dương, quân đội Nhật vẫn hết sức kháng chiến trên đảo Guam mặc dầu địch-quân đông hơn — Không-quân và hải-quân Đồng-minh vẫn tấn công vào các đảo Chichishima, Iwo-shima ở quần đảo Ogasawara (Bonin) nhưng chưa có kết quả gì — Phi-cơ Mỹ ở Trung-Hoa ném bom xuống Cáo-lý, Thượng-hải, và sang đánh các đảo Kyushu (Kiou siou) và Honshu (Hondo) của Nhật nhưng không gây sự thiệt hại gì.

Mặt trận Ý

Không có sự thay đổi quan trọng. Lộ quân Anh thứ 8 lan rộng sang phía Tây, sau khi chiếm được Imprumeta đã lọt được vào thành Florence.

Mặt trận Nga

— *Khu Lettonie* Hồng quân vẫn tấn công chung quanh kinh thành Riga, hạ được Lubany, Brasovils và Jakopils.

— *Khu Lithuanie*, ở Tây và Tây Bắc Kaunas, Hồng quân đã lọt vào Rassiniai.

— *Khu Bialystok* quân Sô-viết lấy Knyssyn, Lamy và đã qua sông Narew.

— *Khu Varsovie*, những cuộc tấn-công ở phía Đông và ở phía Tây vào kinh thành Ba-Lan đều thất-bại.

— *Khu Lwow*, qua phía Tây quân Nga chiếm đóng Milen, Trchsbycz.

Phía Nam những thành Sambor Berislav, Chycow, Dobromil và, ở chân núi Karpathes, Podbyez rừng Skole đều thất thủ.

Mặt trận Bắc Pháp

Khu *Nam Caen* quân Anh tiến được rất ít về nẻo Falaise.

Nhưng *từ Avranches — Vire xuống tới sông Loire* quân Đồng minh đã tiến rất nhanh và chiếm được nhiều tỉnh lớn như Vire, Mayenne, Saint Malô, Rennes, Laval, Vannes, Nantes, Angers, Le Mans. Hiện nay, trên đất Bretagne, quân Đồng minh đang tấn công vào những quân cảng Brest và Lorient. Trên sông Loire, quân Mỹ từ Nantes tiến về phía Nam Và trên đường Le Mans — Chartres — Paris, quân Đồng-minh đang đánh tới Chartres.

Đ. Đ. D

	TRẺ PHONG LƯU	TRẺ LAO-ĐỘNG
Con chim Con chó	5 tuổi	6 tuổi
Quả táo Quả lê	5 tuổi	6 tuổi
Con bò cái Con ngựa	6 tuổi	7 tuổi
Cái tách Cái cốc	6 tuổi	? (60 t.)

***

Kết luận của dịch giả

Ta có thể vin vào những kết-quả điều-tra và thí-nghiệm của bà Descœudres mà thí-nghiệm trình-độ trí-thức của con em trong nhà. Riêng phần chúng tôi đại-cương thấy những kết-quả của bà đều đúng. Lẽ cố-nhiên trong khi thí-nghiệm không nên nhất nhất theo những câu của tác-giả, vì đó là những câu Pháp-văn, lúc hồi trẻ em ta, phải lấy những câu hợp với tiếng ta, và tập quán của ta.

Nếu ta tin cuộc thí-nghiệm của bà Descœudrès là đúng thì lại có thể căn-cứ vào đó mà phác một chương-trình giáo-dục con em ta: nghĩa là lúc dậy trẻ ta có thể chọn những bài hợp với trình-độ của chúng, không khó quá, không dễ quá.

BÀ PHAN ANH

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
214, Hàng Bông, Hanoi

SÁCH MỚI

HOANG DAO THUY

NGHE THAY

Nghệ thuật làm thầy, làm cha mẹ, làm huynh trưởng. Kim chỉ Nam của tất cả những bực phụ huynh lo lắng vì việc giáo dục thiếu niên.

190 trang — Giá 3$00

CÒN RẤT ÍT

VANG BÓNG MỘT THỜI
(NGUYỄN TUÂN) . . . . . **5$00**
NGẬM NGẢI TÌM TRĂM
(THẠNH TỊNH). . . . . **2$00**

ĐANG IN

HƠI THỞ TÀN . . . . . *(NGUYỄN HỒNG)*
TRƯỜNG CA . . . . . *XUÂN DIỆU)*
LỖ TẪN . . . . . *(ĐẶNG THAI MAI)*

Mọi người sẽ nhao nhao nói đến cuốn sách này :

THƠ' MÂY NGÀN

Bài in 2 mầu, bìa 3 mầu
Toàn trên giấy đặc biệt
= Số in rất hạn chế =
Họa-sĩ MẠNH QUỲNH trình bày

QUYỂN THƠ ĐẦU TIÊN
TRONG TỦ SÁCH NGHỆ THUẬT

QUOC HOC THU' XA

25 Aout có bán

Hai Bà Trưng
KHỞI NGHĨA
— Tác giả : NGUYỄN TẾ MỸ -

*

- Những lực lượng nào đã giúp hai bà Trưng chiến thắng ? Và những nguyên nhân nào đã làm ra sự thất bại của hai bà ?

- Tính cách cuộc khởi nghĩa đó là tính cách gì ? Ảnh hưởng của nó trong xã-hội Việt - Nam dưới quyền đô hộ triều Hán ra sao ?

HÀN THUYÊN
71, Tien-Tsin. — Hanoi

NHÀSÁCHLỬAHỒNG—NHÀSÁCHLỬAHỒNG

ĐÃ PHÁT HÀNH

ĐỒNG VỌNG

IV

—Tập bài hát lịch sử và thanh niên của Hoàng Quý, Lưu hữu Phước, Nguyễn thành Nguyên, Mai văn Bộ, Văn Cao . . . . . .
Giấy thượng hạng **Giá 1$00**

SỨC SỐNG DÂN VIỆT-NAM

— Ba cuộc nói chuyện của Đặng ngọc Tốt, Đương đức Hiền. Nguyễn đình Thi trong Tổng Hội Sinh Viên. **Giá 1$20**

ĐÓN MUA **ĐÓN MUA**

ĐỒNG VỌNG I, II, III
(in lần thứ hai)

NGUYỄN HỮU ĐỈNH — 92, Sinh-từ, — Hanoi

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL DU 1er MAI 1939 N° 3089
Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE — Fondateur : DOÃN KẾ THIÊN — Imp spéciale d THANH-NGHỊ